

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG VÀNG DANH
TRƯỜNG MẦM NON TRƯNG VƯƠNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Vũ Thị Thuần	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Nguyễn Thị Thu Chinh	Phó hiệu trưởng - CTCD	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Lưu Thị Ngọc Vân	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Hoàng Thị Kiều Diễm	Giáo viên – P.CTCD	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Minh Hiền	Tổ Trưởng chuyên môn 1	Thành viên hội đồng	
6	Ngô Thị Bích Nhường	Tổ trưởng chuyên môn 2	Thành viên hội đồng	
7	Hoàng Thị Hùy	Tổ phó chuyên môn	Thành viên hội đồng	
8	Ngô Thị Anh	Y tế (Tổ trưởng văn phòng)	Thành viên hội đồng	
9	Lê Thị Hường	Giáo viên- BTTND	Thành viên hội đồng	
10	Đinh Thị Mai Hương	Giáo viên	Thành viên hội đồng	
11	Nguyễn Hoàng Lan	Giáo viên	Thành viên hội đồng	
12	Hà Thị Nguyệt	Giáo viên	Thành viên hội đồng	
13	Nguyễn Hồng Quyên	Giáo viên	Thành viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh mục các chữ viết tắt	5
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	6
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	8
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1,2 VÀ 3	18
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	19
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	23
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	26
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	30
Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	34
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	36
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	40
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	44
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	46
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	49
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	52
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	53
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	57
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	60
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	62
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	63
Mở đầu	63
Tiêu chí 3.1: Địa điểm, quy mô, diện tích	64
Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình	67

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học.	73
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	76
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	77
Mở đầu	77
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ	77
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	81
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	84
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	85
Mở đầu	85
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non	85
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	89
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	93
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	97
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	100
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	100
Tiêu chí 1	100
Tiêu chí 2	102
Tiêu chí 3	103
Tiêu chí 4	104
Tiêu chí 5	105
Tiêu chí 6	106
Kết luận	107
Phần III: KẾT LUẬN CHUNG	108

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Viết tắt	Nội dung
1	ATTP	An toàn thực phẩm
2	BGH	Ban giám hiệu
3	CB, GV, NV	CB, GV, NV
4	CBQL	Cán bộ quản lý
5	CMHS	Cha mẹ học sinh
6	CM	Chuyên môn
7	CNTT	Công nghệ thông tin
8	CSGD	Chăm sóc giáo dục
9	CS-ND-GD	Chăm sóc – Nuôi dưỡng – Giáo dục
10	CSVC	Cơ sở vật chất
11	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
12	GDMN	Giáo dục mầm non
13	HĐND	Hội đồng nhân dân
14	LHPN	Liên hiệp phụ nữ
15	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
16	TNCSHCM	Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
17	UBND	Ủy ban nhân dân
18	VSATTP	Vệ sinh an toàn thực phẩm

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá:

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4:

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		x	
Tiêu chí 2	x		
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4		x	
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 3.

Phần I CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Trung Vương

Tên trước đây: Trường Mẫu giáo Trung Vương

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí

Tỉnh	Quảng Ninh
Thành phố	Uông Bí
Phường	Trung Vương
Đạt CQG	Mức độ 2
Năm thành lập trường	1985
Công lập	x
Tư thực	
Dân lập	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Vũ Thị Thuận
Điện thoại	0985740256
Fax	
Website	http://uongbi.quangninh.edu.vn/mntrungvuong
Số điểm trường	
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	1	2	2	2	2
Số lớp mẫu giáo 3-4 tuổi	2	3	3	3	2

Số lớp mẫu giáo 4-5 tuổi	3	2	3	3	3
Số lớp mẫu giáo 5-6 tuổi	4	3	2	2	3
Cộng	10	10	10	10	10

2.Cơ cấu khối công trình của nhà trường:

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
I	Khối phòng hành chính quản trị	7	7	7	7	7
	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7
	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
II	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	11	11	11	11	12
1	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em	10	10	10	10	10
	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10
	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
2	Phòng đa năng	1	1	1	1	1
3	Thư viện	0	0	0	0	1
4	Phòng làm quen tin học	1	1	1	1	1
II	Khối phòng tổ chức ăn	1	1	1	1	1
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	1
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
IV	Khối phòng phụ trợ	1	1	1	1	0
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	0
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
	Cộng	20	20	20	20	20

3. CBQL, giáo viên, nhân viên

a. Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	0	0	0	01	
Phó hiệu trưởng	02	02	0	0	0	02	
Giáo viên	19	19	01	0	0	19	
Nhân viên	08	06	0	0	06	02	
- Kế toán	01	01	0	0	0	01	
- Văn thư	0	0	0	0	0	0	
- Y tế	01	01	0	0	0	01	
- Cấp dưỡng	03	03			03		
- Bảo vệ	02	0			02		
- Vệ sinh	01	01			01		
Cộng	30	28	01	0	06	24	

b. Số liệu của 5 năm gần đây

T T	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số giáo viên	22	21	20	20	19
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	16,3/1	11,3/1	8,2/1	10,2/1	11,4/1
3	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	10,5/1	11,9/1	12,4/1	12,1/1	11,8/1
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên		06		09	
5	Tổng số giáo viên giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	02			01	
6	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	03	04	04	06	05
7	Giấy khen UBND TP	03	03	03	02	02
8	Bằng khen UBND Tỉnh		01			

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	270	249	233	232	253	
	- Nữ	147	141	120	117	127	
	- Dân tộc thiểu số	0	03	02	02	02	
2	Đối tượng chính sách	0	03	0	0	0	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	76	68	102	55	96	
5	Học 2 buổi/ngày	270	249	233	232	253	
6	Bán trú	270	249	233	232	253	
7	Tỷ lệ trẻ em/ lớp	27	24,9	23,3	23,2	25,3	
8	Tỷ lệ trẻ em/ nhóm						
	- Trẻ em từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	49	22	22	19	23	
	- Trẻ em 3-4 tuổi	22,5	21	23,3	18,6	29	
	- Trẻ em 4-5 tuổi	24	28,5	20	25,3	24,3	

	- Trẻ em 5-6 tuổi	26	28,3	29,5	32	25,3	
--	-------------------	----	------	------	----	------	--

5. Các số liệu khác: Không.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NHÀ TRƯỜNG

Trường mầm non Trung Vương thuộc phường Vàng Danh, tỉnh Quảng Ninh. Trường được thành lập từ năm 1985, trường được mang tên là Trường Mẫu giáo Trung Vương theo Quyết định số 60/QĐ-UB ngày 09/10/1985 của Ủy ban nhân dân thị xã Uông Bí. Đến năm 2011 trường được đổi tên là Trường Mầm non Trung Vương, theo Quyết định số 472/2011/QĐ-UBND ngày 11/03/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí. Trong những năm đầu thành lập cơ sở vật chất của trường rất khó khăn, đồ dùng đồ chơi rất hạn chế.

Được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự ủng hộ của cha mẹ học sinh, cùng với sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường sau 38 năm xây dựng và trưởng thành trường mầm non Trung Vương đã không ngừng phát triển.

Năm 2005 được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố, trường đã được xây một ngôi nhà 2 tầng với 04 phòng học, nhà bếp và phòng làm việc của Ban giám hiệu.

Năm 2010 trường tiếp tục được xây thêm 01 dãy nhà hai tầng với đầy đủ phòng học và các phòng chức năng theo mô hình đạt chuẩn quốc gia. Trường được đầu tư bổ sung đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi theo quy định. Đội ngũ giáo viên của trường đã được nâng cao về trình độ chuyên môn và năng lực công tác, một số giáo viên đã đạt danh hiệu giáo viên giỏi cấp thành phố. Trường nhiều năm liên tục đạt danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, năm 2011 được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; tháng 5 năm 2013 trường vinh dự được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 2; tháng 7 năm 2015 trường được công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3; tháng 02 năm 2020 trường tiếp tục được công nhận trường mầm non đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

1. Các tổ chức Đảng, đoàn thể trong nhà trường: Các tổ chức đoàn thể được thành lập và hoạt động theo đúng quy định, hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng quản lý, CS-ND-GD trẻ của nhà trường.

2. Về quy mô trường, lớp và trẻ em: Năm học 2024-2025, Trường có 10 nhóm, lớp (02 nhóm trẻ và 8 lớp mẫu giáo); toàn trường có 253 trẻ/10 lớp trong đó nhà trẻ 46 trẻ/02 lớp; mẫu giáo 207 trẻ /8 lớp.

3. Cơ sở vật chất

Trường có diện tích rộng 2359,4 m² Trường được xây dựng khang trang, có hệ thống phòng học, khối phòng chức năng phục vụ cho việc CS-ND-GD trẻ. Các công trình được xây dựng kiên cố, đủ số phòng cho 10 nhóm lớp tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ. Các phòng được trang bị đầy đủ điều kiện để phục vụ công tác dạy và học. Nhà trường có hệ thống bếp ăn một chiều đầy đủ các thiết bị phục vụ công tác bán trú. Đặc biệt nhà trường được Sở GD&ĐT trang bị 07 bộ thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi thông minh giúp trẻ tích cực hoạt động phát triển kỹ năng đáp ứng tốt cho nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin của giáo viên và học sinh trong các hoạt động giáo dục.

Nhà trường bố trí khu vui chơi - trải nghiệm tận dụng khoảng không tạo mọi điều kiện cho trẻ hoạt động trải nghiệm; có đầy đủ các đồ chơi ngoài trời, có khu vực vui chơi, hoạt động lễ hội ngoài trời, có vườn rau cho bé thăm quan và chăm sóc cây.

4. Đội ngũ

Trong 05 năm gần đây, đội ngũ CB, GV, NV nhà trường đảm bảo theo yêu cầu, đủ về số lượng, chuẩn về chất lượng, hiện nay tính đến thời điểm hiện tại trường có tổng số 30 CB, GV, NV. Trong đó:

- CBQL: 03; Giáo viên: 19; Nhân viên: 08 (Trong đó 02 biên chế và 6 hợp đồng lao động)

- Về trình độ đào tạo:

- + CBQL, giáo viên: Đại học: 22; Cao đẳng: 0; Trung cấp: 0.

- + Nhân viên biên chế: Đại học: 01; Cao đẳng 01; Trung cấp 0

- Dân tộc thiểu số: 01 (Giáo viên)

- 100% CB, GV, NV có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; chất lượng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục. Đội ngũ CB, GV, NV nhà trường có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh. Chấp hành tốt nội quy, quy định của ngành cũng như các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có ý thức tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình, trách nhiệm, nhiều giáo viên có bề dày kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, có trình độ chuyên môn tốt, tâm huyết với nghề, yêu trẻ, tích cực đổi mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, có những đồng chí cán bộ, giáo viên là cốt cán của ngành. Chính vì vậy, chất lượng giáo dục của nhà

trường ngày càng được nâng cao, xây dựng được niềm tin của nhân dân trên địa bàn phường đối với nhà trường.

Tỷ lệ giáo viên dạy giỏi cấp trường hằng năm luôn duy trì đạt từ 75% - 82%, cấp thành phố 45%, cấp tỉnh 5%, nhiều cô giáo đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, được nhận Giấy khen của UBND Thành phố, Giấy khen của Sở GD&ĐT, Bằng khen của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Trong những năm học vừa qua, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chi bộ, sự đoàn kết, nỗ lực của CB, GV, NV; sự quan tâm, chỉ đạo của phòng GD&ĐT, của cấp ủy chính quyền địa phương và sự vào cuộc của các bậc phụ huynh, tập thể nhà trường đã đạt được nhiều thành tích; nhà trường nhiều năm liên tục đạt tập thể lao động xuất sắc; 01 lần được nhận Bằng khen của Bộ GD&ĐT; 01 lần được nhận Cờ thi đua dẫn đầu khối của Chủ tịch UBND Tỉnh; 02 lần được nhận bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; được Sở GD&ĐT Quảng Ninh tặng giấy khen cùng nhiều giấy khen của UBND thành phố Uông Bí; 02 lần được nhận Bằng khen của LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh; CĐ ngành Giáo dục tặng Giấy khen và nhiều Giấy khen của LĐLĐ thành phố Uông Bí.

II. MỤC ĐÍCH TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Xác định mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của trường mầm non Trung Vương đã đạt được từ đó lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động CS-ND-GD trẻ em của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

2. Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận hoặc không công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia.

III. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ NỔI BẬT TRONG HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy trình tự đánh giá theo Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT, cụ thể:

1. Về quy trình tự đánh giá

- (1) Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- (2) Lập kế hoạch tự đánh giá.
- (3) Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
- (4) Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
- (5) Viết báo cáo tự đánh giá.
- (6) Công bố báo cáo tự đánh giá.

(7) Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

2. Về phương pháp tự đánh giá

- Phương pháp nghiên cứu lý luận: Nghiên cứu các Thông tư, Quyết định, Văn bản của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT về GDMN và công tác kiểm định tiêu chuẩn chất lượng trường mầm non.

- Phương pháp giảng giải, thuyết trình: Giảng giải, thuyết trình các nội dung trong quá trình tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí.

- Phương pháp điều tra, khảo sát, phỏng vấn.

- Phương pháp thảo luận: Trao đổi, bàn bạc những nội dung tự đánh giá.

- Phương pháp thống kê toán học: Thống kê các số liệu về các nội dung phục vụ cho công tác tự đánh giá.

- Phương pháp phân tích: Tiến hành xử lý các thông tin, minh chứng; xác định nguồn gốc, tính chính xác của các thông tin, minh chứng.

- Phương pháp tự luận: Viết báo cáo tự đánh giá.

3. Về công cụ đánh giá

- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với các trường mầm non;

- Thông tư số 22/2024/TT-BGD&ĐT ngày 10/12/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Hướng dẫn số 3106/HD-SGDĐT ngày 23/11/2018 của Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Ninh Về việc thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT;

- Công văn số 5942/BGDĐT-QLCL, ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài trường mầm non;

- Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT, ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành Điều lệ Trường Mầm non;

- Thông tư 29/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/10/2021 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định ngưng hiệu lực quy định về trình độ đào tạo của nhà giáo tại một số thông tư do Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành; Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

- Công văn số 2712/SGDDT-GDMN, ngày 05/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh về việc hướng dẫn xác định nội hàm, gợi ý minh chứng, công tác tự đánh trường mầm non;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có nhiều cấp học.

- Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thông tư 56/2021/TT-BTC, ngày 12/7/2021 của Bộ tài chính về hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông và hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục thường xuyên;

- Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

- Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Điều lệ Công đoàn Việt Nam;

- Điều lệ Đoàn thanh niên Cộng Sản Hồ Chí Minh;

- Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở GDMN;

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

- Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở GDMN;

- Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non;

- Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022;

- Nghị định 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thực hiện dân chủ ở cơ sở;

- Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;

- Luật công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

- Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập.

* *Phạm vi tự đánh giá*: Trường Mầm non Trung Vương

* *Thời gian thực hiện chu kỳ tự đánh giá*: Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025.

Sau khi tự đánh giá thấy được những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật của nhà trường trong việc đáp ứng những yêu cầu của từng tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn, từ đó nhà trường có kế hoạch cụ thể cho việc cải tiến chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ trong nhà trường. Đồng thời cũng qua kết quả tự đánh giá từng tiêu chí, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục trong từng thời điểm và trong chiến lược phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đề xuất những biện pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn, qua đó tiến hành điều chỉnh các hoạt động cũng như công tác quản lý phù hợp với thực tế, với yêu cầu của ngành và xã hội, tích cực cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục. Qua việc tự đánh giá, nhà trường muốn nhìn nhận một cách khách quan về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nhân lực, CSVC cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng. Việc tự đánh giá cũng là sự thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục theo chức năng, nhiệm vụ được giao; để tập thể cán bộ, giáo viên trong trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những điểm còn tồn tại, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục của trường cũng như của ngành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiến lược của nhà trường đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

TIÊU CHUẨN 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường mầm non Trung Vương nằm trên địa bàn phường Trung Vương trực thuộc Phòng GD&ĐT thành phố Uông Bí quản lý. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, hiện nay nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển Trường mầm non Trung Vương giai đoạn 2021-2025. Hội đồng trường được thành lập theo quyết định của UBND thành phố Uông Bí. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường luôn phối hợp nhịp nhàng, phát huy được hiệu quả các hoạt động CS-ND-GD trẻ.

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động sôi nổi, có chiều sâu, các thành viên trong tổ có ý thức tự học, tự bồi dưỡng, chuyên môn tay nghề vững vàng, thông tin hai chiều được đảm bảo thông suốt, kịp thời. Tất cả các tổ chức, đoàn thể, cá nhân trong trường đều nỗ lực hết sức mình thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm học.

Nhà trường quản lý hành chính, tài chính, tài sản theo quy định; có đủ hồ sơ, sổ sách và được lưu trữ đầy đủ; sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ cho các hoạt động CS-ND-GD trẻ. Nhà trường chú trọng làm tốt quy chế dân chủ cơ sở; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đảng, các tổ chức đoàn thể trong trường hoạt động và có sự phối hợp nhịp nhàng, xây dựng được một tập thể CB, GV, NV và trẻ em đoàn kết nhất trí để xây dựng nhà trường phát triển ngày càng vững mạnh.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2: Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp: Nghị quyết số 01- NQ/ĐH ngày 23/6/2020 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Uông Bí lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết ngày 16/05/2020 của Đảng bộ phường Trung Vương về Nghị quyết Đại hội Đại

biểu Đảng bộ phường Trung Vương (nay là phường Vàng Danh) lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phường Trung Vương (nay là phường Vàng Danh) và nguồn lực của nhà trường, Trường Mầm non Trung Vương xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 đã đánh giá thực trạng; xác định mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể như sau:

Về đội ngũ: 100% giáo viên và nhân viên trình độ đạt chuẩn trở lên vào năm 2024; đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm xếp loại từ khá trở lên 100%; đánh giá, xếp loại viên chức 100% hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tỷ lệ giáo viên giỏi cấp trường là 70% trở lên, giáo viên giỏi cấp cơ sở 50% trở lên, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh đạt từ 5% trở lên; danh hiệu thi đua: chiến sĩ thi đua cấp cơ sở 15%, lao động tiên tiến 95% trở lên.

Về công tác phát triển và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ: duy trì 10 nhóm, lớp; tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ 33% trở lên, mẫu giáo đạt 94% trở lên (riêng trẻ 5 tuổi đạt 100%); tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi đạt 90% trở lên, trẻ 5 tuổi đạt 95% trở lên; giảm ít nhất 1% tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi so với đầu năm học; giảm so với cùng kỳ năm học trước 0,3% trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, 0,2% trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi; không chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì.

Về cơ sở vật chất: Đạt tiêu chuẩn về cơ sở vật chất mức độ 2 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về công tác kiểm định chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia: phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 và chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Các nhiệm vụ và giải pháp như: Xây dựng cơ sở vật chất, thực hiện lộ trình và duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3; tăng cường công tác bồi dưỡng đội ngũ, đổi mới công tác quản lý, tăng cường công tác kiểm tra và tự kiểm tra; thực hiện có hiệu quả các phong trào, các cuộc vận động; làm tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh để huy động trẻ đạt kế hoạch, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần; thực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, vệ sinh an toàn thực phẩm; đổi mới công tác giáo dục đạo đức tăng cường rèn luyện kỹ năng sống kỹ năng tự phục vụ cho trẻ [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]

b) Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục Trường mầm non Trung Vương giai đoạn 2020-2025 được Hội đồng trường phê duyệt ngày 10/01/2021 [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05].

c) Nhà trường niêm yết công khai phương hướng, chiến lược trên bảng công khai của nhà trường và cổng thông tin của trường tại địa chỉ:

<http://uongbi.quangninh.edu.vn/mntrungvuong> để toàn thể CB, GV, NV, cha mẹ trẻ được biết và tham gia góp ý, tuy nhiên nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp, tư vấn, bổ sung cho phương hướng, chiến lược của nhà trường từ cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

Mức 2:

Hội đồng trường giám sát nhà trường trong việc chỉ đạo, triển khai thực hiện phương hướng, chiến lược theo năm học và giai đoạn bằng hình thức nghiên cứu hồ sơ và giám sát trực tiếp với các nội dung cụ thể như sau: Năm học 2020-2021, Hội đồng trường tổ chức giám sát hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; Năm học 2021-2022: Hội đồng trường giám sát việc sử dụng CSVC, trang thiết bị dạy học; Năm học 2022-2023, giám sát việc thực hiện việc xây dựng và phát triển đội ngũ; Năm học 2023-2024 Hội đồng trường giám sát thực hiện kế hoạch chiến lược giai đoạn 2020-2025 (giai đoạn 2023-2024); Năm học 2024-2025 Hội đồng trường giám sát việc thực hiện kế hoạch tuyển sinh [H1-1.1-05]; [H1-1.1-08].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động rà soát các mục tiêu, các nhiệm vụ đã triển khai thực hiện trong năm học theo lộ trình đã đề ra tại phương hướng, chiến lược của nhà trường. Trong quá trình rà soát, đánh giá nhà trường đã tiến hành điều chỉnh một số chỉ tiêu về việc tỷ lệ huy động trẻ; tỷ lệ về trình độ đào tạo của đội ngũ; các giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; điều kiện CSVC. Căn cứ vào kết quả rà soát, đánh giá cuối mỗi giai đoạn, nhà trường xây dựng dự thảo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo giai đoạn, đồng thời triển khai trong các cuộc họp Hội đồng trường, họp nhà trường và gửi văn bản đến Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các tổ chức chính trị xã hội, các ban ngành trên địa bàn phường và cha mẹ trẻ để xin ý kiến đóng góp, bổ sung cho dự thảo phương hướng, chiến lược nhằm đạt được mục tiêu của nhà trường trong năm học và cả giai đoạn [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020-2025 phù hợp với mục tiêu GDMN được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển Giáo dục và Đào tạo của Thành phố Uông Bí giai đoạn 2020-2025; định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ủy - Hội đồng nhân dân phường Trưng Vương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường. Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Mầm non Trưng Vương giai đoạn 2020-2025 được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CB, GV, NV nhà trường, cha mẹ trẻ, cộng đồng

bằng hình thức công khai tại nhà trường và trên trang thông tin điện tử của nhà trường để toàn thể CB, GV, NV nhà trường, cha mẹ trẻ và cộng đồng được biết và tham gia góp ý.

Hội đồng giám sát thực hiện tốt việc giám sát thực hiện chiến lược phát triển nhà trường, có sự bổ sung điều chỉnh phù hợp với điều kiện của nhà trường theo từng giai đoạn.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp, tư vấn, bổ sung cho phương hướng, chiến lược của nhà trường từ cha mẹ trẻ và cộng đồng nguyên nhân do văn bản dài, nhiều nội dung, nội dung chuyên môn nên tiếp cận còn gặp khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Cải tiến hình thức xin ý kiến xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Phó chủ tịch Hội đồng trường	- Biên soạn, xây dựng mẫu phiếu tóm tắt các nội dung chính trong phương hướng, chiến lược để xin ý kiến của cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội, phụ huynh trên địa bàn (tập trung các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp thực hiện) - Tiếp tục công khai, đăng tải phương hướng, chiến lược trên cổng thông tin của ngành: http://uongbi.edu.vn/mntrungvuong đăng lên facebook trường, zalo nhóm, lớp. - Phát biểu xin ý kiến trong các cuộc họp giao ban tại UBND phường về các mục tiêu, giải pháp trọng tâm thực hiện phương hướng, chiến lược để xin ý kiến của lãnh đạo.	Đầu tháng 8 và cuối tháng 5 của các năm học	0đ
Rà soát, điều chỉnh phương hướng,	Hiệu trưởng, chủ tịch	- Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức Hội nghị rà soát, đánh giá các chỉ tiêu, mục tiêu, giải pháp thực hiện phương hướng, chiến lược của từng	Cuối các năm học	0đ

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
chiến lược phù hợp với yêu cầu thực tiễn từng năm học, giai đoạn thường xuyên	Hội đồng trường	học kì, năm học; xác định những nội dung, mục tiêu chưa phù hợp đề nghị điều chỉnh. - Gửi văn bản qua zalo, gmail cho các cá nhân liên quan để nghiên cứu, rà soát - Cập nhật kịp thời các văn bản về GDMN để xác định đúng tầm nhìn, mục tiêu thực hiện cho từng giai đoạn làm căn cứ điều chỉnh.		

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2: Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường Trường Mầm non Trung Vương được thành lập theo Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Uông Bí về việc thành lập Hội đồng trường đối với Trường Mầm non Trung Vương, nhiệm kỳ 2020- 2025; Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Uông Bí về việc kiện toàn Hội đồng trường đối với Trường Mầm non Trung Vương, nhiệm kỳ 2020-2025 gồm 09 thành viên, chủ tịch hội đồng là đồng chí Vũ Thị Thuần - Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường; các thành viên trong Hội đồng trường là Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, đại diện các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, chính quyền địa phương và Ban đại diện cha mẹ trẻ **[H2-1.2-01]**.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập vào đầu mỗi năm học, chủ tịch Hội đồng là đồng chí Hiệu trưởng nhà trường, các thành viên là đại diện cho tổ chức công đoàn, Đoàn thanh niên, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Trong các đợt xét duyệt thi đua, Hiệu trưởng thành lập Hội đồng tư vấn như Hội

đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo, Hội đồng tuyển sinh [H2-1.2-02]; [H2-1.2-03].

b) Hội đồng trường tổ chức hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 09, Thông tư số 52/TT-BGD&ĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non: Hội đồng trường tổ chức họp từ 3-4 lần/năm để quyết nghị mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch hoạt động hằng năm, của nhà trường; quyết nghị quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của nhà trường, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết nghị về tổ chức, nhân sự; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. Hằng năm, Hội đồng trường tổ chức giám sát với các nội dung như: giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết nghị của hội đồng trường; việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường, hội đồng trường chưa tổ chức được nhiều cuộc giám sát, nội dung giám sát chưa phong phú. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động theo Luật Thi đua - Khen thưởng, Thông tư 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục giúp Hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua trong năm học như phong trào thi đua xây dựng môi trường xanh- sạch đẹp- an toàn- thân thiện, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn trong năm như 20/10, 20/11, 8/3...sau mỗi đợt thi đua, Hội đồng đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB, GV, NV trong nhà trường; Hội đồng thi đua tổ chức các cuộc họp vào đầu năm học, cuối học kì I, cuối năm học. Hội đồng tuyển sinh thực hiện công tác tuyển sinh đúng độ tuổi, đúng đối tượng vào trường mỗi năm học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo[H2-1.2-04]; [H2-1.2-05];[H2-1.2-06].

c) Cuối học kỳ, năm học các hội đồng tổ chức các cuộc họp để các thành viên trong Hội đồng thảo luận, rà soát, đánh giá kết quả, phân tích tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và rút kinh nghiệm các hoạt động đã triển khai trong học kỳ, năm học [H2-1.2-04]; [H2-1.2-05]; [H2-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác trong nhà trường đã bám sát Điều lệ Trường mầm non, Luật Thi đua - Khen thưởng, tình hình thực tế để triển khai các hoạt động phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng năm học. Hội đồng trường quyết nghị các mục tiêu, thảo luận các giải pháp triển khai thực hiện luôn đảm bảo tính phù hợp, có sự sáng tạo, đột phá. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, giúp hiệu trưởng tổ chức tốt các phong trào thi đua, đề xuất các giải pháp, sáng

kiến chất lượng, kịp thời động viên khen thưởng các tập thể cá nhân đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong các đợt thi đua năm học, Hội đồng tuyển sinh hoạt động đúng quy chế, đảm bảo chính xác, công khai, công bằng, khách quan, tạo thuận lợi cho trẻ và cha mẹ trẻ. Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo đánh giá, công nhận các sáng kiến, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Các hội đồng trong nhà trường hoạt động thường xuyên, sáng tạo góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.1-05]; [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo có nhiều đổi mới, sáng tạo trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Các hội đồng trong nhà trường tổ chức họp rà soát, đánh giá hoạt động theo định kỳ, thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hội đồng trường chưa tổ chức được nhiều cuộc giám sát, nội dung giám sát chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức giám sát 2 lần/năm	Tổ giám sát của hội đồng trường	- Xây dựng kế hoạch giám sát cho cả nhiệm kỳ; cho từng năm học. - Đánh giá kết quả giám sát hằng năm, bổ sung các nội dung giám sát theo thực tế nhiệm vụ của nhà trường; nghị quyết Hội đồng trường đã đề ra; bổ sung số lượng buổi giám sát đảm bảo ít nhất 2 lần/năm.	Từ năm học 2025-2026	0đ
Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động tích cực, hiệu quả.	Thành viên các hội đồng	- Xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của các hội đồng. - Định kỳ rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm các hoạt	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

		động của các hội đồng.		
--	--	------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Trung Vương có tổ chức Công đoàn và Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Ban chấp hành công đoàn nhiệm kỳ 2017-2022 được công nhận theo Quyết định số 79/QĐ-LĐLĐ, ngày 17/8/2017 và nhiệm kỳ 2023-2028 theo Quyết định số 86/QĐ-LĐLĐ, ngày 12/04/2023; Ban chấp hành công đoàn gồm có 03 thành viên, chủ tịch công đoàn là đồng chí Nguyễn Thị Thu Chinh – Phó hiệu trưởng nhà trường, Phó chủ tịch công đoàn là đồng chí Hoàng Thị Kiều Diễm – Giáo viên; 01 ủy viên là đồng chí Nguyễn Thị Minh Hiền - Giáo viên, công đoàn nhà trường gồm 24 đoàn viên; Chi đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh có 06 đoàn viên; Ban chấp hành Đoàn phường Trung Vương chuẩn y đồng chí Ngô Thị Bích Nhường là Bí thư Chi đoàn theo Quyết định số 15-QĐ/ĐTN ngày 25/10/2019 **[H3-1.3-01]; [H3-1.3-02]**.

b) Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Ban chấp hành công đoàn trường xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị. Tổ chức công đoàn nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt

công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên và người lao động thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng, hợp pháp của đoàn viên, người lao động; giám sát thực hiện chính sách, pháp luật, nội quy, quy chế; phối hợp với nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ; chăm lo đời sống vật chất cho đoàn viên; tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động văn hóa, xã hội; tổ chức thực hiện Nghị quyết công đoàn các cấp; quản lý sử dụng tài sản, tài chính công đoàn; xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh **[H3-1.3-03]; [H3-1.3-04]**.

Tổ chức Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng các kế hoạch hoạt động theo Nghị quyết, chương trình các cấp chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ theo Điều 18 của Điều lệ Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khóa XII. Chi đoàn trường làm tốt công tác thanh niên, chăm lo xây dựng Đoàn và tích cực giới thiệu đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét, bồi dưỡng và kết nạp (trong 5 năm qua chi đoàn đã giới thiệu và đề nghị kết nạp 06 đoàn viên ưu tú vào đảng), Chi đoàn có những thời điểm còn sinh hoạt chưa đúng theo định kỳ. Phối hợp cùng các tổ chức đoàn thể khác trong nhà trường và tham mưu với đoàn phường Trưng Vương thực hiện tốt phong trào hỗ trợ nhân lực xây dựng cảnh quan các điểm trường trường xanh - sạch - đẹp, là lực lượng nòng cốt trong phong trào văn hóa, văn nghệ của nhà trường **[H3-1.3-05]; [H3-1.3-06]**.

c) Cuối học kỳ, cuối năm học nhà trường đánh giá về các hoạt động của các đoàn thể, có nhận xét về việc rà soát, đánh giá các hoạt động của các tổ chức đoàn thể và các tổ chức khác **[H2-1.2-04]**.

Mức 2:

a) Chi bộ trường Mầm non Trưng Vương trực thuộc Đảng bộ phường Trưng Vương, gồm 22 đảng viên (21 đảng viên chính thức, 01 đảng viên dự bị). Ngày 08/07/2022 Đảng ủy ra quyết định số 60-QĐ/ĐU về việc chuẩn y kết quả bầu cử chi ủy, bí thư, phó bí thư Chi bộ trường mầm non Trưng Vương, nhiệm kỳ 2022-2025 gồm các đồng chí Vũ Thị Thuần – Bí thư chi bộ; đồng chí Đỗ Thị Minh Thùy – Phó bí thư chi bộ; đồng chí Nguyễn Thị Thu Chinh – Chi ủy viên; Quyết định số 90-QĐ/ĐU ngày 04/12/2023 của Đảng ủy phường Trưng Vương về việc công nhận Chi ủy chi bộ Trường Mầm non Trưng Vương, nhiệm kỳ 2022-2025: chỉ định bổ sung Đồng chí Lưu Thị Ngọc Vân – Phó hiệu trưởng – Phó Bí thư chi bộ do đồng chí Đỗ Thị Minh Thùy – Phó Bí thư chi bộ luân chuyển công tác **[H3-1.3-07]**. Chi bộ hoạt động căn cứ quy chế hoạt động của chi bộ và Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 06/7/2018 của Ban tổ chức Trung ương về một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Trong 5 năm qua

chi bộ nhà trường được Đảng ủy phường Trung Vương xét và trình Đảng bộ thị xã xếp loại Chi bộ cụ thể như sau:

Năm	Mức xếp loại chi bộ	Ghi chú
2020	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2021	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2022	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2023	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	
2024	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	

[H3-1.3-08]

b) Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có đóng góp tích cực trong việc đẩy mạnh các phong trào thi đua của nhà trường. Thường xuyên động viên tinh thần các đồng chí đoàn viên công đoàn, đoàn viên thanh niên yên tâm công tác, tích cực bồi dưỡng chuyên môn, xây dựng cảnh quan trường lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện. Phối hợp với nhà trường trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển toàn diện đảm bảo theo mục tiêu GDMN [H2-1.2-04].

Mức 3

a) Từ năm 2020 đến nay chi bộ Trường Mầm non Trung Vương **luôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó năm 2021 được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H3-1.3-08].**

b) Tổ chức Công đoàn có nhiều hoạt động, phong trào thi đua thiết thực như phong trào thi đua “Giỏi việc trường, đảm việc nhà”, “Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức tự học và sáng tạo”, các phong trào thi đua chào mừng ngày lễ lớn trong năm 20/10, 20/11, 8/3... đã tạo được không khí thi đua sôi nổi, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường. Chi đoàn nhà trường luôn là lực lượng nòng cốt trong mọi hoạt động của nhà trường, thực hiện tốt các phong trào “Hiến máu tình nguyện”, “Bảo vệ và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng”, công tác xây dựng tổ chức Đoàn, Đảng, công tác tình nguyện tham gia phòng chống dịch Covid-19. Tổ chức công đoàn và Chi đoàn vận động đoàn viên tham gia ủng hộ các loại quỹ, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tuyên truyền bầu cử tại địa phương [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Chi bộ nhà trường luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo nhà trường, Công đoàn, Chi đoàn, quán triệt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là các chủ trương về giáo dục và đào tạo. Trong 5 năm qua chi bộ luôn được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; Công đoàn được LĐLĐ tỉnh tặng Bằng khen, CĐ ngành Giáo dục tặng Giấy khen và LĐLĐ Thành phố tặng Giấy khen; Đoàn thanh niên được xếp loại Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ.

Các đoàn thể trong nhà trường luôn đổi mới, sáng tạo trong triển khai hoạt động và tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua, các hoạt động tình nguyện, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Một số phong trào do công đoàn và đoàn thanh niên phát động tính lan tỏa trong nhà trường chưa cao, thông qua các hoạt động đoàn thể chưa lôi kéo được sự nhập cuộc cũng như tác động vào ý thức tự giác của giáo viên, nhân viên.

Chi đoàn có những thời điểm còn sinh hoạt chưa đúng theo định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tăng cường sự phối hợp giữa các đoàn thể trong nhà trường. - Phát huy vai trò, trách nhiệm của các đồng chí đứng đầu các tổ chức đoàn thể	BGH, Ban chấp hành Công đoàn; Ban chấp hành Chi đoàn	BGH phối hợp với Ban chấp hành công đoàn chỉ đạo và thực hiện tốt Quy chế dân chủ tại cơ sở (lấy ý kiến tham gia của các thành viên trong các đoàn thể về các hoạt động của nhà trường) Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, để các thành viên trong các đoàn thể xác định vai trò, nhiệm vụ của mình Xác định mục tiêu nội dung,	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

		hình thức phối hợp giữa các đoàn thể. Hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể trong nhà trường cùng phối hợp thực hiện các hoạt động. Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi hoạt động phối hợp, để có kế hoạch phối hợp phù hợp cho hoạt động tiếp theo.		
- Chi đoàn thanh niên thực hiện nghiêm túc việc sinh hoạt định kỳ, gắn các nội dung về đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ.	Ban chấp hành chi đoàn	Kế hoạch, nội dung sinh hoạt định kỳ hàng tháng.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.
- Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá điều chỉnh.

Mức 3:

- Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả

trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b. Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1 :

a) Trường Mầm non Trung Vương có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng: đồng chí Vũ Thị Thuần được điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Trung Vương theo Quyết định số **2828/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND Thành phố Uông Bí**; Đồng chí Nguyễn Thị Thu Chinh - Phó Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng theo Quyết định số 5981/QĐ-UBND ngày 18/7/2020 của UBND Thành phố Uông Bí; **Đồng chí Lưu Thị Ngọc Vân - Phó Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm chức vụ phó hiệu trưởng theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND Thành phố Uông Bí [H4-1.4-01].**

b) Từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường luôn duy trì thực hiện 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo quy định tại Điều 13, 14 của Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ trường Mầm non. Năm học 2024- 2025, nhà trường thành lập 02 tổ chuyên môn có 23 đồng chí gồm giáo viên các nhóm, lớp mẫu giáo và nhân viên cấp dưỡng: tổ chuyên môn 1 gồm 10 thành viên, tổ chuyên môn 2 gồm 13 thành viên, mỗi tổ chuyên môn có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó. Tổ văn phòng gồm 05 đồng chí: nhân viên kế toán kiêm văn thư, nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, bảo vệ, lao công **[H4-1.4-02]; [H4-1.4-03].**

c) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, theo tháng. Tổ chuyên môn thực hiện xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tháng, năm học bám sát vào kế hoạch của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN. Tổ chuyên môn thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho CB, GV, NV, bồi dưỡng về CNTT, các chuyên đề trong năm học, chuyên môn, nghiệp vụ gắn với các vị trí công việc; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, đề xuất khen thưởng, kỷ luật giáo viên; tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ ít nhất hai tuần một lần theo nguyên tắc dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn. Tổ văn phòng có nhiệm vụ giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường; thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên; sinh

hoạt định kỳ ít nhất một tháng một lần theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tôn trọng, chia sẻ, học tập, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển năng lực chuyên môn, nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng chưa phong phú, ít có các nội dung chia sẻ, tư vấn để phát triển chuyên môn của các thành viên trong tổ do đặc thù công việc của mỗi thành viên khác nhau[1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06]; [1.4-07]; [1.4-08]; [H4-1.4-09]; [H4-1.4-10]; [H2-1.2-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, tổ chuyên môn họp thảo luận và đề xuất với ban giám hiệu nhà trường chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

Năm học 2024-2025 tổ chuyên môn thực hiện các chuyên đề: Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ LQCC (Mẫu giáo 5-6 tuổi); Lĩnh vực phát triển thể chất khối 3-4 tuổi. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ (Mẫu giáo 4-5 tuổi); Lĩnh vực phát triển nhận thức (nhận biết- tập nói) khối Nhà trẻ. (Nhà trẻ 24-36 tháng)

Các chuyên đề được tổ chức xuyên suốt trong năm học, dưới nhiều hình thức, đảm bảo tính kế thừa, phát huy đồng thời bổ sung thêm những nội dung mới góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng, năng lực nghề nghiệp của đội ngũ giáo viên, nhân viên trong tổ chuyên môn cũng như các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường được nhà trường đánh giá về hiệu quả chuyên đề của tổ chuyên môn trong các năm học [H1-1.4-11]; [H2-1.2-04].

b) Thông qua các buổi sinh hoạt, tổ chuyên môn, tổ văn phòng rà soát, đánh giá điều chỉnh kịp thời kế hoạch hoạt động phù hợp với tình hình thực tế. Nhà trường thường xuyên kiểm tra kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch của tổ, kịp thời điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp, tổ chức đánh giá ưu, nhược điểm, nguyên nhân tồn tại về các hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng; đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện trong năm học và các năm học tiếp theo [H4-1.4-12].

Mức 3 :

a) Các tổ chuyên môn của nhà trường đã chủ động, sáng tạo trong triển khai các hoạt động chuyên môn phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị như: Công tác bồi dưỡng giáo viên được thực hiện linh hoạt thông qua nhiều hình thức như dự giờ trực tiếp; tư vấn thông qua xem giáo án, chia sẻ các bài dạy hay trên mạng internet, thăm quan học tập các trường trên địa bàn thành phố; bồi dưỡng cách tổ chức hoạt động ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến. Tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, rút kinh nghiệm cho các thành viên trong tổ về công tác tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm,

lớp để tư vấn, hướng dẫn kịp thời; hướng dẫn giáo viên trong tổ khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi được trang cấp. Tổ văn phòng thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch; tham mưu giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng triển khai các hoạt động thường xuyên, tích cực góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường [H2-1.2-04].

b) Hằng năm, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện 02 chuyên đề. Các chuyên đề được tổ chuyên môn tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú như tổ chức Hội nghị chuyên đề, dự hoạt động mẫu, thăm quan, thảo luận, chia sẻ; lồng ghép chuyên đề ở tất cả các hoạt động giáo dục; xuyên suốt trong năm học, qua đó giáo viên được học tập, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ [H4-1.4-11]; [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường có trình độ chuyên môn trên chuẩn, nhiều năm liên tục làm công tác quản lý trường Mầm non, 1/3 cán bộ quản lý có trình độ Thạc sỹ Quản lý giáo dục. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động cho tổ theo năm tháng tuần, các kế hoạch bám sát với tình hình thực tiễn và văn bản chỉ đạo của cấp trên; Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch tổ chức và thực hiện các chuyên đề, chuyên môn đáp ứng được nhu cầu của nhà trường, góp phần từng bước nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Cán bộ quản lý chuyên môn phối hợp chặt chẽ với các tổ trưởng chuyên môn dự giờ, bồi dưỡng giáo viên dưới nhiều hình thức khác nhau. Đội ngũ tổ trưởng, tổ phó các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có tinh thần trách nhiệm, trình độ chuyên môn vững vàng, nhiệt tình tham gia công tác, gương mẫu đi đầu trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng chưa phong phú, ít có các nội dung chia sẻ, tư vấn để phát triển chuyên môn của các thành viên trong tổ do đặc thù công việc của mỗi thành viên khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Các tổ chuyên	- Giáo	- Các tổ xây dựng kế hoạch	Từ năm	5 triệu

môn và tổ văn phòng hoạt động hiệu quả hằng năm	viên, nhân viên	hoạt động bám sát vào chỉ đạo của nhà trường và cấp trên. - Hằng năm tổ chuyên môn xây dựng ít nhất 2 chuyên đề nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.	học 2025-2026 và các năm tiếp theo	đồng/01 chuyên đề
Cải tiến nội dung sinh hoạt của tổ văn phòng	Tổ trưởng tổ văn phòng	- Hiệu trưởng phân công 01 đồng chí cán bộ quản lý tham gia sinh hoạt tại tổ văn phòng. - Tổ chức tập huấn, hướng dẫn tổ trưởng xây dựng nội dung sinh hoạt tại tổ.	Từ năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tuyển sinh, tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Thực hiện tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi theo quy định;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép; số lượng trẻ khuyết tật học hòa nhập trên mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đảm bảo theo quy định;

c) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện công tác tuyển sinh theo yêu cầu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi căn cứ theo kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm; triển khai kế hoạch và thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh trẻ của từng độ tuổi, hình thức tổ chức tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ của trẻ theo quy định [H5-1.5-02].

b) Từ năm học 2020-2021 đến nay nhà trường có 10 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [1.5-01]; [H5-1.5-03]; [H5-1.5-04].

c) 10/10 nhóm, lớp đạt tỷ lệ 100% được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường [1.5-05].

Mức 2:

Các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Tuy nhiên, số trẻ ở 01 năm học 2020-2021: lớp Nhà trẻ 24-36 tháng vượt hơn 20 trẻ so với quy định do nhà trường có 1 lớp Nhà trẻ, từ năm học 2021-2022 đến năm học 2024-2025 nhà trường bố trí số trẻ trong các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo không vượt quá quy định theo Điều lệ trường Mầm non. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi theo quy định và được thống kê trên phần mềm smats. "[Qlth.quangninh.edu.vn](http://qlth.quangninh.edu.vn)"; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành <http://truong.cSDL.moet.gov.vn>.

Biểu thống kê số trẻ/ nhóm, lớp

Độ tuổi	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022		Năm học 2022-2023		Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ	Số nhóm, lớp	Số trẻ
25-36 tháng tuổi	1	49	2	44	2	44	2	36	2	46
3-4 tuổi	2	45	3	63	3	70	3	56	2	58
4-5 tuổi	3	72	2	57	3	60	3	76	3	73
5-6 tuổi	4	104	3	85	2	59	2	64	3	76
Cộng	10	270	10	249	10	233	10	165	10	253

[1.5- 01]; [H5-1.5- 03], [H5-1.5- 04].

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhóm trẻ, các lớp mẫu giáo được nhà trường rà soát, sắp xếp, phân chia theo đúng độ tuổi. Các nhóm, lớp được tổ chức học 2 buổi/ngày, 100% trẻ ăn bán trú tại trường, trẻ được đảm bảo quyền lợi theo quy định.

3. Điểm yếu

Trong trường, lớp cũng có trẻ có các biểu hiện tâm lý khác biệt, tuy nhiên giáo viên và nhà trường chưa tuyên truyền, tư vấn và thuyết phục được phụ huynh cho con đi khám để xác định xem trẻ có thuộc đối tượng trẻ khuyết tật không?, để lập hồ sơ cho trẻ hưởng chế độ cũng như xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục phù hợp cho cá nhân trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tăng tỷ lệ huy động trẻ ra lớp, đặc biệt đối với các độ tuổi mẫu giáo (nếu dân số trong độ tuổi trên địa bàn phường còn trẻ chưa ra trường, lớp):	BGH + Giáo viên	+ Thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập để nắm chắc dân số trong độ tuổi mầm non của phường. + Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục mầm non, chỉ tiêu huy động trẻ đối với từng độ tuổi đưa ra sát với thực tế, phù hợp với cơ sở vật chất, quy mô trường lớp, đội ngũ giáo viên. + Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm, có giải pháp cụ thể để thực hiện huy động trẻ ra lớp. + Tham mưu với Đảng ủy, UBND về chỉ tiêu tuyển sinh của nhà trường để nhận được sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, tổ dân, khu phố ... trong công tác tuyển sinh. + Đẩy mạnh công tác tuyên truyền: Xây dựng kế hoạch, bố trí lực lượng,... Tuyên truyền bằng nhiều hình thức.	Từ năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	0đ
- Tổ chức tốt công tác quản lý trẻ học 2 buổi/ngày	BGH + Giáo viên	+ Đảm bảo về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên. Phân công, bố trí công việc phù hợp; Xây dựng các kế hoạch quản lý trẻ học 2 buổi/ngày và triển khai thực hiện hiệu quả.	Từ năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	0đ
- Làm tốt công đánh giá trẻ về sức khỏe, tâm sinh lý	BGH + Giáo viên	+ Tuyên truyền, phối kết hợp với phụ huynh để phát hiện và có biện pháp can thiệp sớm đối với trẻ khuyết tật.	Từ năm học 2025-2026 và các năm tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) *Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) *Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

a) Trường Mầm non Trung Vương có đầy đủ hồ sơ quản lý hành chính, tài chính và tài sản như: Hồ sơ quản lý nhân sự, Hồ sơ quản lý chuyên môn, Hồ sơ quản lý tài sản - tài chính, hồ sơ quản lý trẻ em, hồ sơ quản lý bán trú,... Các hồ sơ được sắp xếp theo từng năm học; theo nội dung hoạt động và được lưu trữ tại văn phòng trường; nhà trường chưa lưu trữ hồ sơ trên các hệ thống phần mềm trực tuyến. Nhà trường mở sổ theo dõi công văn đi - đến, giao cho nhân viên kế toán kiêm công tác văn thư quản lý và cập nhật. Công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ hành chính được thực hiện kiêm nhiệm nên chưa khoa học **[H6-1.6-01]; [H6-1.6-02]; [H2-1.2-04]**.

b) Hằng năm, nhà trường đã thực hiện lập dự toán tài chính theo năm tài chính đối với nguồn ngân sách, theo năm học đối với các nguồn thu, chi ngoài ngân sách theo đúng quy định của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên. Dự toán được xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, đảm bảo phù hợp với các nguồn thu, chi thực tế. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng trường, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện thu chi. Công tác thu chi được thực hiện minh bạch, đúng quy định, phù hợp với kế hoạch dự toán được duyệt. Quyết toán tài chính được thực hiện định kỳ theo quy định, có sự kiểm tra, đối chiếu giữa các bộ phận kế toán, tài chính và các cơ quan quản lý. Hồ sơ, chứng từ liên quan đến thu chi được lưu trữ đầy đủ, đúng

quy định. Hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quản lý tài sản được thực hiện định kỳ, phản ánh trung thực, rõ ràng các hoạt động tài chính và tình hình sử dụng tài sản của trường theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác kiểm kê tài sản được thực hiện hằng năm theo quy định, đảm bảo đầy đủ thông tin và minh bạch trong quản lý tài sản. Việc thống kê tài sản được thực hiện hằng tháng, cập nhật sổ theo dõi tài sản tại các nơi sử dụng, tổng hợp, xây dựng kế hoạch, dự toán sửa chữa, mua sắm bổ sung kịp thời đáp ứng nhu cầu sử dụng và an toàn sử dụng. Nhà trường thực hiện công khai dự toán, quyết toán, báo cáo tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Công khai dự toán, quyết toán các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ giáo dục trong nhà trường theo văn bản hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo. Năm 2024 nhà trường thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường định kỳ tự kiểm tra tài chính, kế toán một năm 02 lần theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường đúng với Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ Tài chính và hướng dẫn của các cấp quản lý **[1.4-08]**.

Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được xây dựng, bổ sung, điều chỉnh, lấy ý kiến của CB, GV, NV trong mỗi kỳ Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, đầu mỗi năm tài chính và khi có hướng dẫn, yêu cầu của cấp trên. Sau khi được phê duyệt của Hội đồng trường, quy chế được ban hành, bổ sung, điều chỉnh và đưa vào thực hiện **[H6-1.6-03]**.

c) Hằng năm, bộ phận tài chính, tổ chuyên môn tham mưu với hiệu trưởng kế hoạch sử dụng tài chính và tài sản phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đáp ứng nhu cầu sử dụng, phát huy tối đa hiệu quả của tài sản và các nguồn lực tài chính để phục vụ hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Các nội dung mua sắm, sửa chữa thiết bị giáo dục, CSVC được thực hiện đúng quy trình từ đề xuất, kiểm tra xác minh, xây dựng dự toán, kế hoạch, trình hội đồng trường phê duyệt, tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành **[H2-1.2-04]**.

Mức 2:

a) Nhà trường đã sử dụng các phần mềm quản lý hành chính, tài chính, tài sản: MiSa; phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý phổ cập giáo dục xóa mù chữ <http://pcgd.moet.gov.vn>, quản lý chất lượng tại <https://moet.gov.vn>; qlth.quangninh.edu.vn (Smars); cơ sở dữ liệu ngành, hệ điều hành tác nghiệp Thành phố Đông Triều, truyền thông của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh, trao đổi thông tin qua email miền dongtrieu.edu.vn. Nhà trường sử dụng chữ ký số trong phê duyệt các giao dịch qua kho bạc, ký duyệt các văn bản điện tử **[1.6-04];[1.4-08]; [H2-1.2-04]**.

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản **[H2-1.2-04]**.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn được Hội đồng trường phê duyệt nhằm tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương theo quy định để thực hiện phát triển nhà trường theo chiến lược đã xây dựng. Kế hoạch được triển khai thực hiện có hiệu quả với các nguồn vốn đầu tư, chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, việc huy động nguồn lực xã hội hóa chưa đạt hiệu quả cao **[H6-1.6-05]; [H2-1.2-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hệ thống hồ sơ về quản lý hành chính, tài chính, tài sản được lưu trữ, sắp xếp khoa học, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số hiệu quả. Thực hiện công khai tài chính rõ ràng, minh bạch; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Công tác huy động nguồn lực tài chính xã hội hóa đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường	CB, GV, NV	- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các quy chế, kế hoạch trong quản lý hành chính, tài chính, tài sản trong nhà trường theo quy định hiện hành. - Mua phần mềm quản lý	Giai đoạn 2025-2030	12 triệu đồng/năm

		tài sản, tài chính, hành chính của nhà trường. - Tổ chức và tham gia các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý hành chính, tài chính, tài sản cho CB, GV, NV trong nhà trường. - Thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, tự đánh giá trong công tác quản lý hành chính, tài chính tài sản.		
Thực hiện có hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục	CB, GV, NV	- Rà soát nhu cầu, xây dựng kế hoạch tiếp nhận tài trợ hằng năm theo quy định. - Phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể địa phương tuyên truyền vận động xã hội hóa nguồn lực. - Công khai, minh bạch, sử dụng đúng mục đích các nguồn lực xã hội hóa.	Năm học 2025-2026	0 đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1 :

a) Hằng năm, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ năm học, căn cứ vào năng lực của đội ngũ, nhu cầu bồi dưỡng của đội ngũ CB, GV, NV nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho đội ngũ CB, GV, NV với những nội dung, hình thức bồi dưỡng phù hợp theo yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non; đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục trong giai đoạn tới. Kế hoạch phân công rõ trách nhiệm của CBQL trong việc bồi dưỡng chung cho CB, GV, NV và phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán, đặc biệt là những giáo viên có năng lực sư phạm, có đạo đức nghề nghiệp được đồng nghiệp tín nhiệm để giới thiệu, quy hoạch, bổ nhiệm CBQL trong nhà trường. Từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường bồi dưỡng được 03 đồng chí giáo viên giới thiệu quy hoạch chức danh Phó hiệu trưởng, 02 đồng chí Phó hiệu trưởng quy hoạch chức danh Hiệu trưởng [**H4-1.4-06**].

b) Thực hiện phân công sử dụng CBQL, giáo viên, nhân viên theo vị trí việc làm, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực sở trường, đảm bảo các hoạt động của nhà trường, phát huy tối đa năng lực của CB, GV, NV: Đồng chí Hiệu trưởng phụ trách chung các hoạt động của nhà trường, công tác Đảng; 02 đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác CS-ND-GD trẻ, phụ trách công tác kiểm định chất lượng, trường chuẩn quốc gia phụ trách công tác quản lý tài sản, CSVC, trang thiết bị, đội ngũ, công tác phổ cập giáo dục. 01 Nhân viên y tế phụ trách công tác y tế trong nhà trường. 03 Nhân viên cấp dưỡng hợp đồng phụ trách công việc nấu ăn cho trẻ, 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư, 02 nhân viên bảo vệ. Có 10 lớp được phân công đủ biên chế giáo viên có trình độ chuẩn và trên chuẩn [**H7-1.7-01**],[**1.7-02**];[**H7-1.7-03**];[**H7-1.7-04**];[**H2-1.2-04**].

c) Hằng năm, 100% CB, GV, NV của nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường mầm non ban hành tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Được tôn trọng, bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thân thể, được hưởng các quyền lợi về vật chất, tinh thần theo quy định; được tự chủ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn với sự hỗ trợ của tổ chuyên môn và nhà trường; được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; được hưởng tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật; được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp theo lương và các chế độ chính sách khác theo quy định khi được cấp có thẩm quyền cử đi học tập, bồi dưỡng; được khen thưởng, tặng các danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác theo quy định; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [**H7-1.7-05**]; [**1.4-08**]; [**H3-1.3-04**]; [**H2-1.2-04**].

Mức 2:

Để phát huy được năng lực của CB, GV, NV trong xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường, nhà trường đã triển khai một số biện pháp sau: Coi trọng việc xây dựng mối đoàn kết, hỗ trợ, giúp đỡ trong tập thể nhà trường; trong phân công nhiệm vụ luôn quan tâm sắp xếp giáo viên có năng lực tốt kèm cặp giáo viên có năng lực yếu; tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ, quán triệt và triển khai thực hiện đầy đủ các Chỉ thị, Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tổ chức các hội thi và các hoạt động giao lưu, hoạt động phong trào, hội nghị, hội thảo; động viên CB, GV, NV học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia học các lớp bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ, trung cấp lý luận chính trị; tổ chức tốt các phong trào thi đua - khen thưởng trong nhà trường, khuyến khích giáo viên đăng kí các danh hiệu thi đua, các sáng kiến kinh nghiệm cho cá nhân, tập thể như: Thi đua dạy tốt học tốt chào mừng các ngày lễ lớn như: Thao giảng chào mừng ngày 20/10, ngày 8/3, tổ chức hội thi giáo viên giỏi, cô nuôi giỏi các cấp... Từ đó giáo viên có tinh thần phấn đấu thi đua phát huy năng lực cá nhân của mình. Tuy nhiên, nguồn kinh phí để chi khen thưởng, động viên, tạo động lực tích cực bồi dưỡng, phát huy năng lực cá nhân cho giáo viên còn ít chưa đáp ứng yêu cầu; tinh thần tự học tập, tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT ở một số giáo viên còn hạn chế [H7-1.7-03]; [H2-1.2-04]; [H3-1.3-04].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cho CB, GV, NV phù hợp với năng lực, sở trường, đảm bảo sự luân chuyển đội ngũ hằng năm, giữa các điểm trường, nhóm, lớp; đảm bảo công khai, công bằng, khách quan trong phân công nhiệm vụ. Nhà trường triển khai có hiệu quả, sáng tạo kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ và có các biện pháp phát huy năng lực sở trường của đội ngũ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hằng năm của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Nguồn kinh phí xây dựng quỹ thi đua - khen thưởng còn hạn chế, ảnh hưởng đến hoạt động khen thưởng, động viên, tạo động lực cho đội ngũ CB, GV, NV của nhà trường.

Tinh thần tự học tập, tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT ở một số giáo viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục thực hiện tốt việc phân công, sử dụng CB, GV, NV; đảm bảo các quyền và lợi ích của CB, GV, NV theo quy định:	Hiệu trưởng	+ Thực hiện tốt quy chế dân chủ và công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. + Phân công nhiệm vụ theo năng lực và hoàn cảnh. Lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ để xem xét bố trí hợp lý.	Năm học 2025 - 2026 trở đi	0 đồng
- Phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường:	Hiệu trưởng và kế toán	+ Phân công giáo viên chuyên môn hỗ trợ giáo viên còn yếu; xây dựng những tấm gương giáo viên điển hình và nhân rộng trong toàn trường. + Xây dựng môi trường tạo động lực, phát triển chăm lo đội ngũ giáo viên: Xây dựng quỹ phúc lợi, quỹ thi đua khen thưởng từ nguồn ngân sách (đảm bảo từ 5%-10% từ nguồn kinh phí tiết kiệm chi ngân sách hằng năm) để có kinh phí động viên, khen thưởng kịp thời những CB, GV, NV xuất sắc, tiêu biểu.	Năm học 2025 - 2026 trở đi	Nguồn ngân sách 4 triệu đồng
- Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên hiệu quả bằng nhiều hình thức linh hoạt:	BGH, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên	+ Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên: Căn cứ vào kết quả kiểm tra nội bộ hoạt động sư phạm của giáo viên trong năm học trước; căn cứ vào kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, căn cứ vào phiếu khảo sát nhu cầu cần bồi dưỡng của giáo viên ... để xây dựng kế hoạch có tính khả thi và đáp ứng được nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo	Năm học 2025 - 2026 trở đi	Nguồn ngân sách 4 triệu đồng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
		viên. + Lựa chọn nguồn báo cáo viên thực hiện công tác bồi dưỡng. + Hướng dẫn và khuyến khích giáo viên tự bồi dưỡng, cung cấp nguồn tài liệu chuẩn cho giáo viên nghiên cứu. Xây dựng kho tài liệu dùng trong nhà trường. Tiếp tục đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn.		

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ Chương trình GDMN, điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, nhà trường đã ban hành các kế hoạch giáo dục như sau: Kế hoạch giáo dục năm học nhóm trẻ 24-36 tháng; kế hoạch giáo dục năm học cho các lớp mẫu giáo 3-4 tuổi, 4-5 tuổi, 5-6 tuổi. Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với với địa phương, vị trí địa lý, điều kiện kinh tế của địa phương, phù hợp với mục tiêu phát triển của nhà trường, điều kiện CSVC, năng lực đội ngũ giáo viên và khả năng của trẻ [1.4-07].

b) Căn cứ kế hoạch giáo dục năm học của nhà trường; giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch chủ đề, tuần ngày đảm bảo thực hiện

100% các mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục năm học đúng tiến độ **[1.8-01]; [1.4-07]**.

c) Hằng năm, nhà trường, tổ chuyên môn tổ chức các buổi họp, sinh hoạt để thảo luận, rà soát các mục tiêu, nội dung trong kế hoạch giáo dục năm học các độ tuổi. Sau mỗi chủ đề giáo viên thực hiện đánh giá trẻ, từ kết quả đánh giá trẻ điều chỉnh mục tiêu, nội dung giáo dục phù hợp cho chủ đề tiếp theo. Định kỳ hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tổ chức kiểm tra kế hoạch giáo dục của giáo viên, dự giờ thăm lớp để kịp thời rút kinh nghiệm, tư vấn, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục; từ năm học 2020-2021 đến nay, tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nhà trường đã tiến hành rà soát điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp **[1.8-02]; [1.4-04]; [H2-1.2-04]; [H1-1.1-05]; [1.4-07]**.

Mức 2:

Trong 5 năm qua nhà trường đã áp dụng các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ như sau: Giao trách nhiệm phụ trách quản lý và chịu trách nhiệm đối với từng tổ chuyên môn, đối với từng cá nhân là cán bộ quản lý, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn; thực hiện quản lý theo điểm trường; chú trọng công tác bồi dưỡng thông qua thực tiễn; tăng cường các hoạt động kiểm tra đột xuất; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ; công tác đánh giá luôn dựa trên hiệu quả hoạt động, đảm bảo công bằng, khách quan. Nhà trường nhiều năm đạt tập thể lao động tiên tiến, tập thể lao động xuất sắc, Bằng khen của Bộ giáo dục và đào tạo; Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh, Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí **[1.4-07]; [H2-1.2-04]; [H8-1.8-03]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục bám sát chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo và kế hoạch chỉ đạo của cấp trên phù hợp với điều kiện thực tế địa phương, đổi mới phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ. Ban giám hiệu thường xuyên đánh giá việc xây dựng kế hoạch và bổ sung điều chỉnh kịp thời cho giáo viên. Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tiếp nhận được nhiều các ý kiến của giáo viên tham gia đóng góp điều chỉnh kế hoạch giáo dục năm học.

Việc điều chỉnh kế hoạch sau đánh giá của một số giáo viên khi thực hiện còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Rà soát, điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm lứa tuổi.	Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn	- Gửi dự thảo kế hoạch qua gmail để giáo viên nghiên cứu. - Gợi ý các nội dung cần tham gia để giáo viên xác định được một số những vấn đề trọng tâm để tham gia ý kiến trùng và đúng	Tháng 8 năm 2025	0đ
Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	- Xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, giao tổ trưởng chuyên môn bồi dưỡng trực tiếp với tổ viên việc đánh giá và cách điều chỉnh kế hoạch sau từng hoạt động, lĩnh vực phát triển cần điều chỉnh thông qua dự giờ đồng nghiệp.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch và hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hằng năm, trước khi tổ chức Hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động nhà trường tổ chức họp tổ đóng góp ý kiến cho dự thảo Kế hoạch năm học, Quy chế Dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế hoạt động và Nội quy

của nhà trường. Trong Hội nghị Nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động đoàn chủ tịch chủ trì hội nghị lấy ý kiến thông qua Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, Quy chế Dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Nội quy nhà trường, Quy chế hoạt động của nhà trường, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến tham gia của giáo viên trong các cuộc họp lãnh đạo nhà trường mở rộng, cuộc họp định kỳ hàng tháng của nhà trường theo các quy định về thực hiện dân chủ ở cơ sở như tại Mục 2, 3 Luật số 10/2022/QH15 ngày 10/11/2022 Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Nghị định 59/2023/NĐ-CP ngày 14/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019; Luật công đoàn số 12/2012/QH13 ngày 20/6/2012; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập **[H1-1.9-01]; [H7-1.7-05]; [H1-1.1-05]; [H2-1.2-04]; [H3-1.3-04]**.

b) Nhà trường xây dựng nội quy, quy định tiếp công dân và phân công cán bộ thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết các kiến nghị phản ánh của nhà giáo người lao động, phụ huynh, nhân dân và đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định. Trong nhiều năm qua nhà trường không có kiến nghị phản ánh hay đơn thư khiếu nại, tố cáo của cán bộ viên chức cũng như nhân dân trên địa bàn **[H9-1.9- 02]**.

c) Hằng năm, nhà trường báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy chế dân chủ **[H9-1.9-03]; [H9-1.9-04]; [H2-1.2-04]; [H3-1.3-04]**.

Mức 2

Hằng năm, Ban Thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch giám sát, trong đó có các nội dung giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường; Ban thanh tra nhân dân tổ chức giám sát trực tiếp, đồng thời nghiên cứu hồ sơ về triển khai thực hiện dân chủ trong nhà trường. Các hình thức, nội dung kết quả giám sát được niêm yết công khai trên bảng tin của nhà trường, đảm bảo minh bạch, hiệu quả. Tổ chức Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường thông qua việc giám sát thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động **[H9-1.9-05]; [H9-1.9-03]; [H1-1.1-05]; [H9-1.9-04];[H3-1.3-04];[H2-1.2-04]**.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường triển khai và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường: dân chủ, công khai trong quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường; tổ chức các cuộc họp định kỳ, tổ chức lấy ý kiến của CB, GV, NV trong xây dựng kế hoạch, quy chế của nhà trường; phối hợp với công đoàn tổ chức tốt Hội nghị nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động, tập thể nhà trường luôn đoàn kết giúp đỡ

nhau cùng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Nhà trường không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo của cán bộ, viên chức cũng như nhân dân trên địa bàn.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của GV, NV trong xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế hoạt động do giáo viên còn chưa mạnh dạn cho ý kiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Biên soạn tóm tắt các nội dung trọng tâm, nội dung mới được điều chỉnh, thay thế so với năm học trước	Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn	- Gửi tài liệu, gợi ý nội dung cần tham gia đề GV, NV tập trung nghiên cứu; - Trao đổi trực tiếp các nội dung xin ý kiến tại cuộc họp quan tâm xin ý kiến của những giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn phát biểu xây dựng dự thảo quy chế. - Khuyến khích CB, GV, NV phát huy quyền dân chủ, chủ động tích cực nghiên cứu các dự thảo quy chế, kế hoạch nhà trường tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các nội quy, quy chế, kế hoạch hoạt động của nhà trường.	Tháng 9/2025	0đ
Thực hiện nghiêm túc các quy định về công khai trong giáo dục theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ GD&ĐT	Hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn, Ban Thanh tra nhân dân, ban chỉ đạo dân chủ trong nhà trường	- Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường: Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho các thành viên trong Ban; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. - Ban Thanh tra nhân dân,	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

		Hội đồng trường giám sát thực hiện dân chủ, công khai trong nhà trường.		
- Thực hiện tốt Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở	CB,GV,NV	- Xây dựng kế hoạch thực hiện dân chủ, triển khai và phân công rõ nhiệm vụ của từng thành viên, từng bộ phận. - Hằng năm báo cáo đánh giá kết quả thực hiện dân chủ trong nhà trường.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo.	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích;*

b) *Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;*

c) *Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

Mức 2:

a) *Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

b) *Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường đảm bảo theo quy định về an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa,

thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích. Hằng năm nhà trường thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Trường học an toàn về an ninh trật tự, phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên; xây dựng kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự trường học, kế hoạch phòng chống dịch bệnh; Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường; phòng chống thiên tai, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy nổ. Hằng năm, nhà trường cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm đối với bếp ăn bán trú, hợp đồng với cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản để cung ứng lương thực, thực phẩm cho nhà trường. Xây dựng phương án phối hợp với Công an - Trạm y tế trong công tác phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn an ninh, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc phẩm trong trường mầm non **[H10-1.10-01];[H10-1.10-02];[H10-1.10-03];[H10-1.10-04];[H10-1.10-05]; [H10-1.10-06]; [H10-1.10-07]; [1.10-08]; [H10-1.10-09]; [1.4-08]; [H10-1.10-10]; [H10-1.10-11].**

b) Nhà trường mở hòm thư góp ý và công khai số điện thoại đường dây nóng (số điện thoại của lãnh đạo nhà trường) tại 2 điểm trường, đảm bảo 100% các điểm trường đều có hòm thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của người dân. Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Công an phường Trung Vương đảm bảo an toàn, an ninh trật tự tại các điểm trường; hợp đồng bảo vệ để thực hiện công tác đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường **[H10-1.10-12]; [H10-1.10-13]. [H10-1.10-11]; [1.4-08].**

c) Trong các năm học tính đến thời điểm tự đánh giá CB, GV, NV nhà trường luôn đoàn kết, thân thiện, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới theo quy định Luật số 73/2006/QH11 ngày 29/06/2006 Luật Bình đẳng giới **[H2-1.2-04].**

Mức 2

a) Sau khi xây dựng phương án và các kế hoạch cụ thể, nhà trường xây dựng và triển khai, phổ biến và hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường cho CB, GV, NV và trẻ thông qua các cuộc họp, các buổi sinh hoạt chuyên môn, qua hệ thống bảng tuyên truyền. Thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong những năm gần đây nhà trường không

để xảy ra các phản ánh liên quan đến bạo lực học đường và mất an toàn trường học **[H7-1.7-03]**.

b) Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhóm, lớp. Phối hợp với ban lãnh đạo các khu, Ban đại diện cha mẹ trẻ nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ của giáo viên tại điểm trường, các vấn đề đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường để kịp thời ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng mất an toàn an ninh trật tự, bạo lực xảy ra trong nhà trường **[1.10-14]; [H2-1.2-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác phối hợp với Công an, Trạm y tế Phường Trưng Vương để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Thực hiện tốt kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống cháy nổ; phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. An ninh trật tự trong nhà trường được giữ vững. Trong các năm học không xảy ra trường hợp ngộ độc thực phẩm, mất an ninh trật tự trong nhà trường. 100% CB, GV, NV và trẻ trong nhà trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối cả về tính mạng. Nhà trường có hòm thư góp ý và định kỳ mở hòm thư góp ý để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Các nội dung tập huấn phòng cháy, chữa cháy chưa được thực hiện định kỳ hằng năm, một số thiết bị phòng cháy chữa cháy còn chưa đáp ứng được theo yêu cầu; 100% đội ngũ CB, GV, NV đều là nữ nên việc xử lý tình huống, sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Xây dựng và hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy trong nhà trường đảm bảo quy định	Phó hiệu trưởng chỉ đạo	- Rà soát các điều kiện phòng chống cháy nổ trong nhà trường: Bình chữa cháy, téc nước, bình gas, hệ thống điện... - Mua sắm bổ sung các thiết bị phòng cháy chữa cháy cho các điểm trường lẻ.	Năm học 2025-2026	10 triệu đồng
Tổ chức tập	CB, GV,	- Xây dựng kế hoạch tập	Giai đoạn	0đ

huấn, bồi dưỡng công tác phòng cháy, chữa cháy	NV	huấn, phối hợp với Đội phòng cháy chữa cháy tổ chức tập huấn.	2025-2030	
Xây dựng và triển khai thực hiện phương án đảm bảo an toàn an ninh trật tự	CB, GV, NV	- Xây dựng kế hoạch phối hợp với công an phường Trưng Vương về đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong nhà trường. - Phối hợp với các khu tuyên truyền về đảm bảo an ninh trật tự, giữ mối liên hệ thường xuyên với các khu trong việc đảm bảo an toàn, an ninh trật tự	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh cơ bản của nhà trường: Trường Mầm non Trưng Vương có đầy đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non; nhà trường xây dựng phương hướng, chiến lược phù hợp với mục tiêu GDMN, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nguồn lực của nhà trường; Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, giải pháp sáng tạo và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động hiệu quả, tích cực góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi và được tổ chức học 02 buổi/ngày. CB, GV, NV của nhà trường đủ về số lượng, được đảm bảo các quyền theo quy định. Nhà trường thực hiện tốt ứng dụng CNTT trong công tác quản lý; quản lý hành chính, tài chính tài sản đúng quy định, đúng mục đích. Quy chế dân chủ được triển khai và thực hiện có hiệu quả; thực hiện dân chủ, công khai trong quản lý, điều hành hoạt động của nhà trường; không có đơn thư, khiếu nại trong nhà trường; trường được công nhận đạt “An toàn về an ninh trật tự”, “An toàn phòng chống tai nạn thương tích”.

Điểm yếu cơ bản của nhà trường: Trong quá trình xây dựng phương hướng, chiến lược, kế hoạch, quy chế nhà trường chưa nhận được nhiều các ý kiến đóng góp của các tổ chức chính trị xã hội, cộng đồng và giáo viên, nhân

viên trong nhà trường. Hội đồng trường chưa tổ chức được nhiều cuộc giám sát, nội dung giám sát chưa phong phú. Công tác huy động nguồn lực tài chính xã hội hóa đạt hiệu quả chưa cao. Các nội dung tập huấn phòng cháy chữa cháy chưa được thực hiện định kỳ hằng năm, các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại điểm lẻ còn ít; 100% đội ngũ CB, GV, NV đều là nữ nên việc xử lý tình huống, sử dụng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy còn hạn chế.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 10/10 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 10/10 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 4/4 tỷ lệ 100%.

TIÊU CHUẨN 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

Mở đầu

Trường Mầm non Trung Vương có đủ đội ngũ CB, GV, NV theo quy định. Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng nhiều năm công tác có kinh nghiệm và năng lực quản lý vững vàng, dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các hoạt động của nhà trường. Nhà trường có đủ giáo viên theo quy định, tỷ lệ giáo viên đạt trình độ trên chuẩn tăng theo lộ trình. Đội ngũ giáo viên đa phần là người địa phương; luôn tích cực, nhiệt tình tâm huyết, yêu nghề, mến trẻ, có ý thức học hỏi, rèn luyện và phấn đấu trong chuyên môn, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi công việc được giao. Hằng năm, 100% giáo viên trong nhà trường được đánh giá xếp loại theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt mức khá trở lên. Có nhiều giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh. Nhà trường có đội ngũ nhân viên đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, nhân viên có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, nhiệt tình có trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao, đáp ứng được các yêu cầu về chất lượng.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) *Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) *Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên ;*
- c) *Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định;*

Mức 2:

a) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

b) *Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường mầm non gồm: 1 Hiệu trưởng và 2 Phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng nhà trường đạt các tiêu chuẩn theo quy định. Hiệu trưởng nhà trường là đồng chí Vũ Thị Thuần sinh năm 1977, vào ngành năm 1998 có thời gian công tác là 27 năm, là CBQL 19 năm. Ngày 01/8/2022 được Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Mầm non Trung Vương. Đồng chí có bằng Đại học sư phạm GDMN, Thạc sĩ Quản lý giáo dục, có trình độ trung cấp lý luận chính trị, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương, có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có lối sống trong sáng lành mạnh, có sức khỏe tốt đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ giao.

Phó Hiệu trưởng là: Nguyễn Thị Thu Chinh, sinh năm 1982, vào ngành năm 2003, thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục 22 năm, là CBQL 11 năm. Ngày 18/7/2019 được Ủy ban nhân dân Thành phố Uông Bí điều động, bổ nhiệm chức danh phó hiệu trưởng Trường Mầm non Trung Vương, đồng chí có bằng Đại học GDMN, có trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương.

Phó Hiệu trưởng: Lưu Thị Ngọc Vân, sinh năm 1983, vào ngành năm 2004 thời gian công tác liên tục trong ngành giáo dục 21 năm, là CBQL 10 năm. Ngày 01/10/2023 được Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí điều động, bổ nhiệm chức danh phó hiệu trưởng trường Mầm non Trung Vương, có bằng Đại học GDMN, có trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp phòng và tương đương. Các phó hiệu trưởng có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, lối sống trong sáng lành mạnh, được đồng nghiệp và nhân dân địa phương tin yêu kính trọng, có sức khỏe tốt, đáp ứng được nhu cầu trong thực hiện nhiệm vụ giao **[1.7-02]**.

b) Hằng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đội ngũ CB, GV, NV và lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố đánh giá, xếp loại theo quy định chuẩn Hiệu trưởng, chuẩn phó hiệu trưởng mầm non; nhiều năm được Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen, UBND tỉnh Quảng Ninh tặng Bằng Khen.

Bảng tổng hợp kết quả xếp loại chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

(05 năm)

Năm học	Xếp loại Chuẩn HT, PHT						Chu kỳ đánh giá theo năm
	Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng		Phó Hiệu trưởng		
2020-2021	Vũ Thị Xuân	Khá	Nguyễn Thị Thu Chinh	Tốt	Đỗ Thị Minh Thùy	Tốt	Tự đánh giá
2021-2022	Vũ Thị Xuân	Tốt	Nguyễn Thị Thu Chinh	Tốt	Đỗ Thị Minh Thùy	Tốt	Cấp trên đánh giá
2022-2023	Vũ Thị Thuần	Tốt	Nguyễn Thị Thu Chinh	Tốt	Lưu Thị Ngọc Vân	Tốt	Tự đánh giá
2023-2024	Vũ Thị Thuần	Tốt	Nguyễn Thị Thu Chinh	Tốt	Lưu Thị Ngọc Vân	Tốt	Cấp trên đánh giá
2024-2025	Vũ Thị Thuần	Tốt	Nguyễn Thị Thu Chinh	Tốt	Lưu Thị Ngọc Vân	Tốt	Tự đánh giá

[H11-2.1-01]; [H11-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng hằng năm tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức theo quy định **[H11-2.1-03]; [H11-2.1-04]; [H2-1.2-04].**

Mức 2

a) Năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 Hiệu trưởng nhà trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Ưông Bí đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp mức tốt. Các phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng đánh giá xếp loại tốt **[H11-2.1-01]; [H11-2.1-02].**

b) Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng hằng năm, được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định: qua các đợt bồi dưỡng hè, học tập các Chỉ thị Nghị Quyết các cấp; Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tín nhiệm **[H11-2.1-03]; [H11-2.1-05]; [H11-2.1-06].**

Mức 3

Trong 5 liên tiếp đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng nhà trường luôn được Phòng Giáo dục và Đào tạo Ưông Bí đánh giá xếp loại đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt; Phó hiệu trưởng luôn được Hiệu trưởng đánh giá xếp loại đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt **[H11-2.1-01];[H11-2.1-02].**

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản lý; 100% có trình độ trên chuẩn, năng động, thích ứng nhanh với sự đổi mới Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu:

Công tác tham mưu, tuyên truyền, vận động gia đình, địa phương trong huy động các nguồn lực để phát triển nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Phát triển đội cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo.	Cán bộ quản lý	- Cán bộ quản lý xây dựng kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ. - Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trường học, nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ quản lý. - Tăng cường công tác quản lý, tự kiểm tra, giám sát.	Từ năm 2025-2030	0đ
- Công tác tham mưu, tuyên truyền, vận động gia đình, địa phương trong huy động các nguồn lực để phát triển nhà trường	Cán bộ quản lý	- Xây dựng kế hoạch vận động các nguồn lực để phát triển nhà trường. - Tuyên truyền, vận động cha mẹ trẻ, các tổ chức chính trị - xã hội nhằm huy động các nguồn lực. - Sử dụng hiệu quả nguồn tài trợ.	Từ năm 2025-2030	0đ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;
- b) Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định của Chính phủ và lộ trình nâng chuẩn trình độ đào tạo giáo viên theo kế hoạch của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Đầu năm học 2024-2025, nhà trường có 19 giáo viên đạt tỷ lệ 1,9 giáo viên/nhóm, lớp (2 giáo viên/nhóm trẻ; 1.8 giáo viên/lớp mẫu giáo); căn cứ số trẻ/nhóm, lớp nhà trường phân công giáo viên/nhóm, lớp đảm theo quy định tại Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN; Tổng hợp giáo viên của nhà trường trong 05 năm, cụ thể như sau:

Bảng tổng hợp số giáo viên trong nhà trường (5 năm)

STT	Năm học	Tổng số nhóm, lớp	Tổng số GV	Tỷ lệ giáo viên/lớp (%)
1	2020-2021	10	20	2.0
2	2021-2022	10	20	2.0
3	2022-2023	10	20	2.0
4	2023-2024	10	20	2.0
5	2024-2025	10	19	1.9

[1.7-02]; [H7-1.7-04].

b) Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025: tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo đảm bảo quy định tại Luật giáo dục 2019. Năm học 2024-2025 giáo viên trong trường đạt trình độ trên chuẩn 19/19 đạt 100%, trình độ trung cấp lý luận chính trị 2/19 đạt 10.5%; giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết; nắm chắc, nắm vững chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ và đa số vận dụng kỹ năng sư phạm năng động, sáng tạo.

Bảng tổng hợp trình độ đào tạo giáo viên (05 năm)

Năm học	Tổng số giáo viên	Chưa đạt chuẩn		Đạt chuẩn		Trên chuẩn	
		SL	%	SL	%	SL	%
2020-2021	22	03	13.6	03	13.6	16	72.8
2021-2022	22	03	13.6	03	13.6	15	72.8
2022-2023	20	03	15	03	15	15	70
2023-2024	20	0	0	0	0	20	100
2024-2025	19	0	0	0	0	19	100

[H12-2.2-01].

c) Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, Hiệu trưởng đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, hằng năm, có 100% giáo viên đều được đánh giá xếp loại đạt trở lên.

Biểu tổng hợp đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên (5 năm)

STT	Năm học	Tổng số GV	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2020-2021	22	11	50	8	36.4	3	13.6		
2	2021-2022	22	12	54.5	10	45.5				
3	2022-2023	20	13	65	7	35				
4	2023-2024	20	11	55	9	45				
5	2024-2025	19	11	57.9	8	42.1				

[H12- 2.2-02]; [H12- 2.2-03]; [H2- 1.2-04].**Mức 2**

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng nhà trường đã thực hiện nghiêm túc công tác đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, kết quả có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên **[H12-2.2-02]; [H12-2.2-03]**

b) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá 100% giáo viên luôn chấp hành tốt nội quy, quy chế cơ quan, đơn vị và hoàn thành xuất sắc, hoàn

thành tốt nhiệm vụ được giao, được các cấp ghi nhận, đa số giáo viên có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết; năng động, sáng tạo trong thực hiện chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ, còn một số giáo viên tuổi đời cao khai thác, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục trẻ chưa hiệu quả. Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên vi phạm kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Bảng tổng hợp các thi đua của giáo viên (05 năm)

T T	Số liệu	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Năm học 2024- 2025
1	Tổng số giáo viên	20	20	20	20	19
2	Giáo viên dạy giỏi cấp trường		15		17	
3	Giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở		7		8	
4	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	2			2	
5	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	3		3	3	2
6	Ủy ban nhân dân thị xã tặng giấy khen	1	4	4	3	3
7	Sở giáo dục tặng giấy khen		1		1	
8	Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen					

[H2-1.2-04]; [H3-1.3-04].

Mức 3

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá có 86.4% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, năm học 2020-2021 có 11/22 giáo viên đạt 50% chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Năm học 2021-2022 có 12/22 giáo viên đạt 54.5% chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt, năm học 2022-2023 có 13/20 đạt 65% giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt, năm học 2023-2024 có 11/20 đạt 55% giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt, năm học 2024-2025 có 11/19 đạt 57.9% giáo viên đánh giá chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt **[H12-2.2-02]; [H12-2.2-03]; [H2-1.2-04].**

2. Điểm mạnh

Giáo viên trong trường có trình độ trên chuẩn 19/19 đạt 100%, có trình độ trung cấp lý luận chính trị 3/19 đạt 15.8%, có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết; đa số giáo viên năng động, sáng tạo trong thực hiện chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên khai thác, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục trẻ chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ.	Phó hiệu trưởng	- Xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, quan tâm đến nội dung khai thác, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho đội ngũ. - Khuyến khích giáo viên tự bồi dưỡng qua nghiên cứu tài liệu, học hỏi đồng nghiệp.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

- a) Nhà trường có nhân viên theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 Bộ GD&ĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở GDMN công lập: có 01 nhân viên kế toán kiêm văn thư hành chính, 01 nhân viên y tế trường học kiêm thủ quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí tuyển dụng [1.7-02]; [H12-2.2-01].

b) Đội ngũ nhân viên được Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng phù hợp theo năng lực của từng đồng chí: Nhân viên kế toán tham mưu với hiệu trưởng về công tác quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường; lập dự toán, thanh quyết toán thu chi; báo cáo tài chính theo quy định; kiêm nhiệm công tác văn thư của nhà trường (quản lý văn bản đi – đến của nhà trường); nhân viên y tế phụ trách công tác y tế trường học, tham mưu với Hiệu trưởng về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong trường, các vấn đề về vệ sinh an toàn thực phẩm và quản lý thu - chi quỹ tiền mặt của nhà trường theo quy định **[H7-1.7- 04]**.

c) 100% nhân viên thực hiện tốt nội quy của nhà trường; Đội ngũ nhân viên nhà trường năng động, có trách nhiệm, được phân công theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ và theo năng lực làm việc phù hợp với công việc được giao. Các nhân viên đều đáp ứng được công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại viên chức đối với nhân viên

STT	Năm học	Tổng số NV	Đánh giá, xếp loại viên chức							
			HTXS NV		HTTNV		HTNV		KHTNV	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2020-2021	2			2	100				
2	2021-2022	2			2	100				
3	2022-2023	2			2	100				
4	2023-2024	2			2	100				
5	2024-2025	2			2	100				

Bảng tổng hợp hình thức khen thưởng của nhân viên(05 năm)

T	Số liệu	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số nhân viên	2	2	2	2	2
2	UBND tặng giấy khen		1	1		

[H13-2.3-01]; [H2-1.2-04].

Mức 2

a) Nhà trường có tổng số 02 nhân viên, trong đó 01 Nhân viên kế toán kiêm văn thư và 01 nhân viên y tế kiêm thủ quỹ, 100% nhân viên nhà trường thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được phân công **[1.7- 02]; [H12-2.2-01]; [H7-1.7- 04]**.

b) Nhân viên nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong trường học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên **[H13-2.3-01]; [H2-1.2- 04]**.

Mức 3

a) Nhân viên kế toán của nhà trường có trình độ Đại học kế toán, nhân viên y tế có trình độ cao đẳng điều dưỡng, nhân viên có chuyên môn vững vàng, có kiến thức về sức khỏe trẻ em và các bệnh thường gặp và cách phòng ngừa, nhân viên kế toán sử dụng thành thạo các phần mềm, trung thực và cẩn thận, đáp ứng được yêu cầu về vị trí việc làm [1.7-02]; [H13-2.2-01].

b) Hằng năm, nhân viên kế toán, nhân viên y tế được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng chính trị, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm [H11-2.1-03]; [1.7-02]; [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên nhà trường năng động, có trách nhiệm, được phân công theo trình độ chuyên môn nghiệp vụ và theo năng lực làm việc phù hợp với công việc được giao. Các nhân viên đều đáp ứng được công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư hành chính, chưa dành nhiều thời gian cho nhiệm vụ văn thư hành chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	Cán bộ quản lý, nhân viên	Văn bản triệu tập bồi dưỡng, tập huấn	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	
- Nhân viên xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, phù hợp	NV	Kế hoạch hoạt động	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Điểm mạnh cơ bản của nhà trường: Nhà trường có đủ số lượng CB, GV, NV theo quy định; có nhân viên kiêm nhiệm đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn vững vàng; được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ; Hằng năm, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại ở mức khá, tốt; được giáo viên, nhân viên trong nhà trường tin nhiệm. Đa số giáo viên trong trường đều có tinh thần trách nhiệm cao, tâm huyết; nắm chắc, nắm vững chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; tỷ lệ giáo viên trên

chuẩn về trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình; có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên. Hằng năm, nhân viên được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu vị trí việc làm. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường không có GV, NV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Điểm yếu cơ bản của nhà trường:

Công tác tham mưu, tuyên truyền, vận động gia đình, địa phương trong huy động các nguồn lực để phát triển nhà trường. Một số giáo viên tuổi đời cao khai thác, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong giáo dục trẻ chưa hiệu quả. Nhân viên kế toán kiêm nhiệm văn thư hành chính, chuyên môn công tác kiêm nhiệm còn hạn chế, chưa mạnh dạn đưa ra các giải pháp sáng tạo trong công việc.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 3/3 tỷ lệ 100%.

TIÊU CHUẨN 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường Mầm non Trưng Vương nằm trên địa bàn khu 1 - phường Trưng Vương - thành phố Uông Bí - tỉnh Quảng Ninh. Đây là vị trí thuận tiện về giao thông, địa thế bằng phẳng, thoát nước tốt, đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường. Trường được thành lập và đi vào hoạt động từ năm 1985, trường có 01 điểm trường với tổng diện tích 2398,3m².

Năm 2005, nhà trường được xây dựng 03 phòng học, phòng chức năng tại điểm trường trung tâm, năm 2010 tiếp tục xây dựng thêm 1 dãy nhà B gồm 4 phòng học, đến năm 2019 trường tiếp tục được đầu tư xây mới dãy nhà 3 tầng C với 4 phòng học và 1 phòng đa năng, hội trường rộng rãi. Nhà trường đảm bảo tiêu chuẩn mức độ 2 tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn CSVC các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT, ngày 16/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT.

Hiện nay, nhà trường có 10 phòng học khang trang kiên cố với tiện nghi hiện đại: Bàn ghế, tủ, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, nhà vệ sinh khép kín; các phòng chức năng: phòng giáo dục nghệ thuật, phòng làm quen với tin học, phòng thư viện cho trẻ hoạt động; bếp ăn, nhà để xe, khu vệ sinh cho giáo viên sạch sẽ và đủ các phòng trong khối phòng hành chính cho CB, GV, NV làm việc. Sân chơi rộng rãi thoáng mát, cây cảnh đủ loại, vườn rau, vườn hoa, khu vực trải nghiệm,

môi trường thân thiện. Nhà trường sử dụng CSVC hợp lý, đảm bảo đúng mục đích. Thường xuyên kiểm tra và bổ sung kịp thời trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi hiện đại, có tính sư phạm, tính thẩm mỹ, đảm bảo an toàn cho các lớp và các phòng chức năng theo đúng quy định nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Tiêu chí 3.1: *Địa điểm, quy mô, diện tích đảm bảo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:*

- a) *Vị trí đặt trường, điểm trường;*
- b) *Quy mô;*
- c) *Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình.*

1. Mô tả hiện trạng

a) Trường Mầm non Trung Vương được đặt tại tổ 1, khu 6, phường Trung Vương, phù hợp với quy hoạch phát triển giáo dục của địa phương, có địa thế cao, bằng phẳng, thoát nước tốt. Trường nằm gần Quốc lộ 18 có kết nối giao thông thuận lợi cho việc đưa đón trẻ em, thuận tiện cho việc đi lại của phụ huynh và học sinh. Khu vực trường học đảm bảo an toàn đối với trẻ, cán bộ, giáo viên, nhân viên, không nằm gần các khu vực nguy hiểm, dễ gây cháy nổ. **[H14-3.1-01]; [H14-3.1-02]; [H14-3.1-03]; [H14-3.1-04]; [H14-3.1-05].**

b) Trường hiện có 10 nhóm, lớp với tổng số trẻ là 153 trẻ, đảm bảo đúng quy mô theo kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương và quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT, ngày 16/12/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT. Số lượng trẻ trên lớp từ 20 trẻ/ lớp đến 30 trẻ/lớp, phù hợp với quy định tại Điều lệ trường mầm non. Quy mô trường, lớp được điều chỉnh hằng năm để đáp ứng nhu cầu phát triển dân số và đảm bảo quyền tiếp cận giáo dục cho tất cả trẻ trong khu vực **[H5-1.5-02].**

c) Trường Mầm non Trung Vương có tổng diện tích khu đất xây dựng trường là: 2.359,4m²; nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích sử dụng bình quân cho một trẻ là 9,3m²/ trẻ, đảm bảo mức quy định tối thiểu theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo là 8m²/trẻ (đối với đô thị loại III) **[H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H2-1.2-04]; [H14-3.1-01].**

Tổng diện tích sàn xây dựng là 1.026,4m² bao gồm các hạng mục công trình như: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, khối phòng tổ chức ăn và khối phụ trợ và khu bổ sung các phòng đang xây dựng, cụ thể như sau:

Khối phòng hành chính quản trị bao gồm: 01 phòng Hiệu trưởng 16m^2 , 01 phòng phó hiệu trưởng 32m^2 , 01 văn phòng trưởng $60,5\text{m}^2$, 01 phòng dành cho nhân viên (Kế toán) 16m^2 , mỗi phòng có diện tích $19,3\text{m}^2$, 01 phòng bảo vệ có diện tích 10m^2 , 01 khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên có diện tích 10m^2 , 01 khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên có diện tích $31,2\text{m}^2$.

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bao gồm:

Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ: Khu sinh hoạt chung có diện tích từ 46m^2 đến $51,5\text{m}^2/\text{khu}$, đảm bảo $1,5\text{m}^2/\text{trẻ}$, khu sinh hoạt chung được sử dụng làm khu ngủ của trẻ; khu vệ sinh có diện tích từ 14m^2 đến $17\text{m}^2/\text{khu}$, đảm bảo $0,4\text{m}^2/\text{trẻ}$; Hiên chơi, đón trẻ em có diện tích từ $38\text{m}^2/\text{khu}$, đảm bảo $1,2\text{m}^2/\text{trẻ}$; Kho nhóm, lớp có diện tích từ $7,7\text{m}^2$ đến $11\text{m}^2/\text{kho}$; Phòng giáo viên có diện tích từ 12m^2 đến $15\text{m}^2/\text{phòng}$ đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06].

Nhà trường có 01 phòng đa năng với tổng diện tích 80m^2 [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06].

Sân chơi riêng với diện tích 794m^2 đảm bảo $1\text{m}^2/\text{trẻ}$ em nhà trẻ; $2\text{m}^2/\text{trẻ}$ em mẫu giáo, đảm bảo mức độ 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, mái tôn khu vui chơi của trẻ được trang bị đầy đủ, chắc chắn, đảm bảo an toàn cho trẻ. Một số cây xanh bóng mát bị gãy, bật gốc do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi) [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06].

Phòng làm quen tin học với diện tích $29,1\text{m}^2$ đạt mức 2 theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06].

Nhà trường có nhà bếp với diện tích $58,5\text{m}^2$, nhà trường bố trí khu bảo quản lương thực, thực phẩm, phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm [H14-3.1-02]; [H14-3.1-06].

Khối phụ trợ nhà trường có 01 phòng họp với diện tích 80m^2 đạt $2,6\text{m}^2/\text{người}$, 01 phòng y tế với diện tích $20\text{m}^2/\text{phòng}$. Tổng diện tích sân vườn là 1.335m^2 đạt $5,3\text{m}^2/\text{trẻ}$ trong đó sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá, trải nghiệm đảm bảo $2,1\text{m}^2/\text{trẻ}$ [H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H2-1.2-04].

Nhà trường được xây dựng 01 Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật với diện tích 80m^2 , đảm bảo $3,2\text{m}^2/\text{trẻ}$, 01 phòng thư viện với diện tích thư viện là $47,5\text{m}^2$, 01 phòng kho với diện tích 30m^2 .

2. Điểm mạnh:

Nhà trường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích sử dụng bình quân cho một trẻ là $9,3\text{m}^2/\text{trẻ}$, đảm bảo mức quy định theo Thông tư

13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu:

Một số cây xanh bóng mát bị gãy, bật gốc do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Giữ vững ổn định quy mô trường, lớp đảm bảo theo các quy định hiện hành	CB, GV, NV	- Xây dựng kế hoạch phát triển từng năm phù hợp với điều kiện hiện có của nhà trường và dân số độ tuổi trên địa bàn. - Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyển sinh đúng với kế hoạch phát triển đã xây dựng.	Giai đoạn 2025-2030	0đ	
Phát triển về CSVC, sử dụng hiệu quả, bảo quản, sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình trong nhà trường.	Hiệu trưởng	- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý, sử dụng, bảo quản CSVC. - Đầu tư sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình trong nhà trường.	Giai đoạn 2025-2030	100 triệu đồng	Ngân sách tự chủ

- Tham mưu cấp trên sửa chữa mái tôn khu vui chơi điểm Trung tâm. - Trồng bổ sung cây xanh bóng mát	CB, GV, NV	- Xây dựng kế hoạch cải tạo, sửa chữa năm học 2025 – 2026: sửa chữa mái tôn. - Trồng bổ sung cây xanh tạo bóng mát sân vườn và khu vui chơi cho trẻ.	Năm học 2025-2026	- 98 triệu đồng. - 20 triệu đồng	Ngân sách cấp trên. - Ngân sách tự chủ
--	------------	---	-------------------	---	---

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1

Tiêu chí 3.2: Các hạng mục công trình

Mức 1:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn), khối phụ trợ.

Mức 2:

Các hạng mục công trình đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Khối phòng hành chính quản trị;
- b) Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em;
- c) Khối phụ trợ.

Mức 3:

Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 văn phòng trường với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành như máy tính, máy in, máy photo, bàn ghế làm việc, tủ đựng tài liệu ...; Có 01 phòng dành cho nhân viên với tủ để đồ dùng cá nhân; Có 01 phòng bảo vệ đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; Khu vệ sinh giáo

viên, cán bộ, nhân viên được bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho CB, GV, NV của trường **[1.4-08]; [H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [H2-1.2-04]**.

b) Hiện nay, nhà trường có 10 phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ bao gồm các khu chức năng: Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn; Nơi ngủ sử dụng chung với khu sinh hoạt chung; Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có vách ngăn cao không nhỏ hơn 1,5m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, bố trí khu vực trai – gái khác nhau, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí phù hợp, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; đối với trẻ em mẫu giáo bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; Hiên chơi, đón trẻ em: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao không nhỏ hơn 01m; có 10 kho nhóm lớp và 01 phòng giáo viên. **[1.5-01]; [H14-3.1-06]; [H15-3.2-03]; [H15-3.2-04]; [H2-1.2-04]**.

Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt, điều hòa được trang bị ở các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống điện trong các phòng học đi âm trong tường và các ổ điện, công tắc được đặt cao trên tầm với của trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ sử dụng, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết **[H14-3.1-06]; [H15-3.2-03]; [H15-3.2-04]; [H2-1.2-04]**.

Nhà trường có: 01 phòng nghệ thuật trang bị hệ thống gương, gióng múa, 01 phòng cho trẻ làm quen với tin học với thiết bị CNTT phù hợp như máy tính Kismart, bảng tương tác.... phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với CNTT, ngoại ngữ của trẻ, các phòng được liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông, tuy nhiên số lượng máy tính ở phòng cho trẻ làm quen với tin học còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ **[H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H2-1.2-04]**.

Trường có Sân chơi riêng lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của bộ Giáo dục và Đào tạo **[H15-3.2-05]; [H2-1.2-04]**.

Nhà trường đang hoàn thiện 01 phòng thư viện, nhà trường có tương đối đủ tài nguyên thông tin, bảo đảm phù hợp với độ tuổi, tâm lý của trẻ em; đáp ứng nhu cầu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em và yêu cầu giáo dục của giáo viên; phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục trong chương trình

GDMN đảm bảo mỗi trẻ em có ít nhất 03 bản sách, mỗi giáo viên có ít nhất 04 bản sách **[H15-3.2-06]**. Thư viện đang được xây dựng gần khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em thuận lợi cho việc tiếp cận và sử dụng của trẻ em; Diện tích thư viện là 47,5m² đảm bảo định mức 0.18m²/trẻ em. Các khu chức năng của thư viện được bố trí trong một phòng được chia thành các khu chức năng của thư viện như sau: có 01 khu đọc cho trẻ em với diện tích 20m², 01 khu đọc cho giáo viên với diện tích 15m², khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin với diện tích 7.5m² để chứa các tài nguyên thông tin, khu vực mượn trả và quản lý có diện tích 5m², được bố trí chung với phòng đọc. Thư viện bảo đảm các yêu cầu về phòng, chống thiên tai; tuân thủ quy định tại các Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành về an toàn phòng cháy cho nhà và công trình **[H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]**.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch mua sắm các thiết bị chuyên dùng như: Tủ, kệ, giá sách, bàn, ghế cho trẻ em; bàn, ghế cho giáo viên; bàn, ghế, tủ cho người làm công tác thư viện....bảo đảm hoạt động thư viện **[H15-3.2-07]**.

c) Nhà trường có nhà bếp bố trí độc lập với các khối phòng chức năng khác gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều; nhà trường bố trí khu bảo quản lương thực, thực phẩm, phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có 01 tủ lạnh để bảo quản thực phẩm **[H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]; [H2-1.2-04]**.

Trường có 01 Phòng họp được sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành như bàn, ghế văn phòng, thiết bị họp trực tuyến, bục phát biểu; Có 01 Phòng Y tế tại vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Nhà trường có 01 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Sân vườn trong trường gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ; được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường, có vòm cho trẻ hoạt động. Khuôn viên của trường được ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ là tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc có gắn cổng và biển tên trường **[H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [H2-1.2-04]**.

Mức 2:

a) Nhà trường có 01 phòng làm việc riêng cho Hiệu trưởng và 01 phòng làm việc riêng cho các Phó hiệu trưởng, có 01 phòng làm việc riêng cho công tác hành chính quản trị có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định

hiện hành [1.4-08]; [H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [H2-1.2-04].

b) Nhà trường có 10 phòng học bao gồm các phân khu chức năng: Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn; Nơi ngủ sử dụng chung với khu sinh hoạt chung; Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, **có vách ngăn cao không nhỏ hơn 1,50 m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu**, bố trí **02 tiểu treo** xí bệt dùng cho trẻ em trai và từ 02 đến 04 xí bệt dùng cho trẻ em gái, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; đối với trẻ em mẫu giáo bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái. Hiên chơi, đón trẻ em: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao không nhỏ hơn 01m, có 10 kho nhóm lớp và 01 phòng giáo viên. [1.5-01]; [H14-3.1-06]; [H15-3.2-03]; [H15-3.2-04]; [H2-1.2-04].

Nhà trường có hệ thống đèn, hệ thống quạt, điều hòa được trang bị ở các phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát phục vụ cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ. Hệ thống điện trong các phòng học đi âm trong tường, các ổ điện, công tắc được đặt cao trên tầm với của trẻ, đảm bảo an toàn cho cô và trẻ sử dụng, dễ dàng thay thế, sửa chữa khi cần thiết [H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H15-3.2-01]; [H4-1.4-09].

Nhà trường có: 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng cho trẻ làm quen với tin học [H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H2-1.2-04].

Trường có Sân chơi riêng được bố trí theo từng nhóm, lớp có lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H14-3.1-06]; [H15-3.2-05].

Nhà trường có tài nguyên thông tin mở rộng của phòng thư viện đang được hoàn thiện: Kiến thức chuyên môn; phương pháp GDMN trong nước và ngoài nước; bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên và người làm công tác thư viện; sách in, tranh, ảnh, bản đồ, báo, tạp chí, bản ghi âm, ghi hình, truyện tranh, mô hình, ảnh dạng thẻ, học liệu điện tử bằng tiếng Việt, tiếng nước ngoài; Mỗi trẻ em có ít nhất 03 bản sách, mỗi giáo viên có ít nhất 04 bản sách [H15-3.2-06].

Thư viện đang được xây dựng có 01 phòng đọc cho trẻ em với diện tích 20m² đảm bảo 13 chỗ ngồi, đạt 1.5m²/chỗ; 01 phòng đọc cho giáo viên với diện tích 20m², đảm bảo 10 chỗ ngồi, đạt 2 m²/chỗ; Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin với diện tích 7.5m² bảo đảm diện tích kho sách kín 2.5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4.5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; Khu vực

mượn trả và quản lý có diện tích 5m^2 đạt $5\text{m}^2/\text{người}$ làm công tác thư viện **[H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]**.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch mua sắm các thiết bị chuyên dùng bảo đảm các hoạt động thư viện tại phòng đọc cho trẻ em, phòng đọc cho giáo viên, khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin, khu vực mượn trả và quản lý; Có máy tính kết nối internet, máy in, phương tiện nghe nhìn bảo đảm các hoạt động thư viện tại phòng đọc cho trẻ em, phòng đọc cho giáo viên, khu vực mượn trả và quản lý **[H15-3.2-07]**.

c) Nhà trường có 01 Phòng họp được sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành như bàn, ghế văn phòng, thiết bị họp trực tuyến, bục phát biểu; Có 01 Phòng Y tế tại vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. . Nhà trường đang được xây dựng 01 nhà kho để dụng cụ chung và học phẩm của trường. Có sân vườn dành riêng cho trẻ em khám phá, trải nghiệm **[H14-3.1-06]; [H14-3.1-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H15-3.2-02]; [H2-1.2-04]**.

Mức 3:

Nhà trường có 10 phòng, bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một phòng, ngoài các phân khu chức năng: Khu sinh hoạt chung, khu vệ sinh, sân chơi, đón trẻ em, hệ thống chiếu sáng có 10 kho nhóm, lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập có diện tích từ $7,5\text{m}^2$ đến $10,8\text{m}^2/\text{kho}$, có 01 phòng giáo viên có diện tích từ 12m^2 đến $15\text{m}^2/\text{phòng}$ **[1.5-01]; [1.4-08]; [H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H15-3.2-04]; [H2-1.2-04]**.

Nhà trường có 01 phòng nghệ thuật với tổng diện tích 60m^2 , đảm bảo $2,2\text{m}^2/\text{trẻ}$ và đang được xây dựng 01 Phòng giáo dục thể chất với tổng diện tích 69m^2 , đảm bảo $2,2\text{m}^2/\text{trẻ}$ dự kiến hoàn thành tháng 4/2025. Các phòng được liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông **[H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H2-1.2-04]**.

Trường có 01 phòng tin học với thiết bị CNTT phù hợp như máy tính Kismart, bảng tương tác.... phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với CNTT, ngoại ngữ của trẻ , tuy nhiên số lượng máy tính còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ **[H14-3.1-06]; [H15-3.2-02]; [H4-1.4-09]; [H15-3.2-01]; [H2-1.2-04]**.

Trường có Sân chơi riêng được bố trí theo từng nhóm, lớp có lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo **[H14-3.1-06]; [H15-3.2-05]**.

Thư viện đang được xây dựng có diện tích là 108.9m² đảm bảo định mức 0.65 m²/trẻ em, 01 phòng đọc cho trẻ em với diện tích 46.4m² đảm bảo 30 chỗ ngồi, đạt 1.5m²/chỗ; 01 phòng đọc cho giáo viên với diện tích 37.2m², đảm bảo 15 chỗ ngồi, đạt 2.4m²/chỗ; Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin với diện tích 9.5m² bảo đảm diện tích kho sách kín 2.5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4.5m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; Khu vực mượn trả và quản lý có diện tích 15.8m² đạt 15.8m²/người làm công tác thư viện[H14-3.1-06].

2. Điểm mạnh

Các hạng mục công trình: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn quy định mức 2 theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu: Các nhóm, lớp chưa có khu ngủ riêng. Đồ chơi ngoài trời được trang cấp đã lâu nên hư hỏng nhiều. Thiết bị máy tính phòng làm quen với tin học còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Duy trì điều kiện các hạng mục công trình hiện có.	CB, GV, NV	Khảo sát, đánh giá hiện trạng CSVC định kỳ, kịp thời sửa chữa các hạng mục công trình, bảo dưỡng, sửa chữa đồ dùng, thiết bị tại các phòng làm việc và phòng học.	Giai đoạn 2025-2030	100 triệu đồng
Phát triển về CSVC, tăng cường cải tạo, nâng cấp sân chơi trải nghiệm cho trẻ.	Hiệu trưởng	Làm tốt công tác tham mưu cải tạo và xây mới các hạng mục công trình trong nhà trường. - Rà soát, đánh giá thực trạng đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, xây dựng kế hoạch sửa chữa, thanh lý, mua sắm bổ sung	Giai đoạn 2025-2030	250 triệu đồng

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.3: Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học

Mức 1:

Hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- a) Hệ thống cấp nước sạch; hệ thống cấp điện; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hạ tầng CNTT, liên lạc và khu thu gom rác thải;*
- b) Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố;*
- c) Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi.”*

Mức 2:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố, mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

Mức 3:

Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo quy định tiêu chuẩn CSVC mức độ 2 đối với trường mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có hệ thống cấp nước, trang bị hệ thống máy lọc nước, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng nước uống và nước sinh hoạt cho trẻ em, CB, GV, NV trong nhà trường đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng cho các hoạt động của nhà trường. Nguồn nước được kiểm tra định kỳ và đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành. Hệ thống thoát nước, cống thu gom và rãnh có nắp đậy được thiết kế khoa học, bảo đảm vệ sinh. Nước thải sinh hoạt và xử lý vệ sinh được xử lý qua bể lắng trước khi thải ra môi trường, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng [H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H14-3.1-02]; [H16-3.3-01]; [H16-3.3-02]; [H16-3.3-03].

Trường được cấp điện ổn định từ lưới điện địa phương do công ty điện lực Ưông Bí cung cấp. Hệ thống điện được thiết kế an toàn, đủ công suất phục vụ các hoạt động dạy học, quản lý và các thiết bị chuyên môn. Nhà trường trang bị máy phát điện tại trường làm nguồn điện dự phòng đảm bảo không gián đoạn hoạt động khi xảy ra sự cố [H16-3.3-04]; [1.4-08]; [H16-3.3-05].

Trường đã lắp đặt các thiết bị phòng cháy, chữa cháy như: biển nội quy, tiêu lệnh chữa cháy, bình chữa cháy, loa, chuông báo cháy tại các khu vực cần

thiết, tuân thủ các quy định hiện hành. Các bình chữa cháy được bố trí tại các khu vực hợp lý, để trong tủ bảo quản và có tiêu lệnh đầy đủ. Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị phòng cháy, chữa cháy và diễn tập phòng cháy chữa cháy định kỳ [H10-1.10-07]; [H16-3.3-06]; [H16-3.3-07]; [3.3-08].

Trường có 03 hệ thống mạng internet Viettel tại 03 dãy học kết nối tốc độ cao, phục vụ hiệu quả cho các hoạt động quản lý, chuyên môn và học tập. Các phòng chức năng, phòng học đều có kết nối internet. Các khu vực đã được trang bị wifi để thuận tiện cho cán bộ, giáo viên và học sinh [H16-3.3-09]; [H16-3.3-10]; [1.4-08]; [H16-3.3-11]; [H16-3.3-12].

Khu thu gom rác được bố trí ở vị trí cuối hướng gió, cách xa các khối phòng chức năng và khu vui chơi của trẻ, có lối đi riêng, thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển rác thải hàng ngày. Rác thải sinh hoạt hằng ngày được nhân viên thu gom rác thải tại địa phương chuyển tới nơi xử lý rác chung của phường [H16-3.3-13].

b, Các công trình của nhà trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố 100% với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt [H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H14-3.1-02]; [H2-1.2-04].

c, Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo quy định tại VBHN số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về Ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H15-3.2-01]; [H4-1.4-09].

Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và đồ dùng đồ chơi hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học như: đồ chơi lego, đồ chơi theo ngành nghề, bảng tương tác, máy chiếu, màn chiếu... Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm đảm bảo tính giáo dục, thẩm mỹ, phù hợp với độ tuổi và an toàn cho trẻ khi sử dụng [H16-3.3-14].

Nhà trường thực hiện rà soát, thống kê, kiểm kê thiết bị, đồ dùng, đồ chơi định kỳ, có kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi để đảm bảo đầy đủ, an toàn trong quá trình sử dụng [H4-1.4-09].

Mức 2:

Nhà trường có mật độ sử dụng đất với: Diện tích xây dựng công trình: $1.024\text{m}^2 = 43,4\%$; diện tích sân vườn (cây xanh, sân chơi): $1.335\text{m}^2 = 56,6\%$; [H14-3.1-06].

Các công trình của trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố 100% với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu

sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt [H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H14-3.1-02]; [H16-3.3-01]; [H2-1.2-04].

Mức 3:

Các công trình của trường như phòng học, phòng chức năng, nhà vệ sinh được xây dựng kiên cố 100% với vật liệu đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài và an toàn trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt [H14-3.1-06]; [1.4-08]; [H14-3.1-02]; [H16-3.3-01]; [H2-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng CNTT, liên lạc và khu thu gom rác thải và thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu; Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 2; mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định tại Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu:

Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi mới đảm bảo số lượng ở mức tối thiểu, chưa có số lượng nhiều đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Nguồn kinh phí
Duy trì và phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hạng mục công trình kiên cố và thiết bị dạy học	CB, GV, NV	- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc quản lý và sử dụng CSVC trong nhà trường. - Khảo sát, đánh giá hiện trạng CSVC định kỳ, kịp thời bảo dưỡng, sửa chữa các hệ thống cung cấp điện, nước, internet, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các thiết bị, đồ dùng, đồ	Giai đoạn 2025-2030	150 triệu đồng	Ngân sách tự chủ

		chơi cũ, bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi mới.			
Đảm bảo về số lượng đồ dùng, đồ chơi, thiết bị cho các hoạt động của cô và trẻ.	CBGV	- Xây dựng kế hoạch huy động các nguồn lực để đầu tư mua sắm bổ sung, thay thế. - Phát động làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo.	Giai đoạn 2025-2030	100 triệu đồng	Ngân sách tự chủ

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận tiêu chuẩn 3:

Những điểm mạnh cơ bản: Trường mầm non Trung Vương đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích sử dụng bình quân cho một trẻ là 9,3m²/trẻ, đảm bảo mức quy định theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 và Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có đủ diện tích đất xây dựng và diện tích sân vườn theo quy định; 100% điểm trường có cổng trường, tường rào ngăn cách với bên ngoài; 100% các sân chơi đều có từ 5 loại thiết bị đồ chơi ngoài trời trở lên. Nhà trường có đầy đủ các hạng mục công trình: khối phòng quản trị hành chính, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em: 10 phòng học/ 10 nhóm, lớp, khối phòng tổ chức ăn và khối phụ trợ. Các phòng đảm bảo diện tích theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT; có đầy đủ các trang thiết bị tối thiểu, thiết bị hiện đại đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Nhà trường có 10/10 nhóm, lớp đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu; 7/10 nhóm lớp có bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi thông minh; Nhà trường có Hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng CNTT, liên lạc và khu thu gom rác thải và thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tiêu chuẩn CSVC tối thiểu; Tỷ lệ các hạng mục công trình kiên cố đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 2; mật độ sử dụng đất đảm bảo tiêu chuẩn CSVC mức độ 1 đối với trường mầm non theo quy định tại Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 và Thông tư 23/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những điểm yếu cơ bản:

Một số cây xanh bóng mát bị gãy, bật gốc do ảnh hưởng của cơn bão số 3 (Yagi). Đồ chơi ngoài trời được trang cấp đã lâu nên hư hỏng nhiều. Thiết bị máy tính phòng làm quen với tin học còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu hoạt động của trẻ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 3/3 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 đạt 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2 đạt 100%.

TIÊU CHUẨN 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường đã xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội cùng chăm lo cho công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ trên địa bàn phường Trung Vương. Được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương; sự phối hợp có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức chính trị xã hội trong việc quản lý và giáo dục trẻ. Ban đại diện cha mẹ trẻ được tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, là tổ chức hỗ trợ đắc lực nhà trường trong hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Các tổ chức trong và ngoài nhà trường đã phối hợp tốt việc tổ chức, thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, cũng như việc đầu tư CSVC ngày một khang trang đáp ứng được yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Tiêu Chí: 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ trường và Ban đại diện của 10 nhóm, lớp. Ngay từ đầu năm học, nhà trường đã tiến hành họp cha mẹ trẻ của 10 nhóm, lớp và bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ của các nhóm, lớp; Hiệu trưởng ban hành **Thông báo số 188/TB-MNTV, ngày 10/10/2024 về việc kết quả bầu Ban đại diện cha mẹ trẻ nhà trường năm học 2024-2025** gồm 03 thành viên trong đó có 01 trưởng ban, 02 phó ban. Ban đại diện cha mẹ trẻ của các nhóm, lớp phối hợp với giáo viên các nhóm, lớp tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, phối hợp với giáo viên chuẩn bị nội dung của các cuộc họp cha mẹ trẻ trong năm học, giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác. Ban đại diện cha mẹ trẻ nhà trường có nhiệm kỳ là một năm; Ban đại diện cha mẹ trẻ nhà trường phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ; vận động trẻ ra lớp; hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn; hướng dẫn về công tác tổ chức và các hoạt động cho Ban đại diện cha mẹ trẻ các nhóm, lớp **[H17-4.1-01];[H17-4.1-02]**.

b) Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động theo đúng quyền, nhiệm vụ đã được quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ giáo dục ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ xây dựng Kế hoạch hoạt động và báo cáo tổng kết hoạt động vào cuối mỗi năm học. Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường xây dựng phong trào của từng lớp, của nhà trường góp phần giữ vững các tiêu chí của đơn vị trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, kiểm định chất lượng cấp độ 3, trường xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện **[H17-4.1-03]**.

c) Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ xây dựng kế hoạch hoạt động và tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, đúng tiến độ đã xây dựng. Năm học 2024-2025, Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức họp **02 lần** để triển khai, đánh giá các hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ; tham gia tuyên truyền vận động trẻ ra lớp; tuyên truyền chế độ chính sách trẻ được hưởng đến các cha mẹ trẻ của nhóm, lớp; tham gia tổ chức các ngày hội, ngày lễ như ngày khai giảng, tết trung thu, các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm; tham gia các hoạt động lao động cải tạo môi trường tại các điểm trường; Ban đại diện cha mẹ trẻ thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ trẻ **[H17-4.1-03];[H17-4.1-04];[H17-4.1-05];[H2-1.2-04]**.

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ: Tham gia quy trình tiếp nhận thực phẩm tại các bếp ăn bán trú của nhà trường; tham gia tuyên truyền, vận động trẻ ra lớp; tuyên truyền chế độ chính sách của trẻ; tham gia các chuyên đề, Hội thi trong nhà trường “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” ngày khai giảng, tết trung thu, lễ hội mừng xuân; Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ trường hỗ trợ hơn 100 công lao động để cải tạo môi trường, hỗ trợ nguyên liệu địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; thông qua hoạt động đón trả trẻ hằng ngày, giáo viên, cha mẹ trẻ trao đổi về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại lớp, tại gia đình; trong thời điểm dịch covid-19 có nhiều diễn biến phức tạp, trẻ nghỉ học tại nhà, giáo viên đã hướng dẫn phụ huynh tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại nhà bằng hình thức video, thông qua zalo nhóm, lớp; zalo nhóm phụ huynh trường. Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương, chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ bằng nhiều hình thức như thông qua các buổi họp phụ huynh, trao đổi qua website, nhóm zalo **[H17-4.1-04]; [H17-4.1-03].**

Mức 3 :

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ: Thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác huy động, duy trì số lượng trẻ ra lớp theo kế hoạch, nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tuyên truyền tới phụ huynh các chế độ chính sách của trẻ có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ trường mầm non. Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ trẻ nhà trường có các hoạt động phối hợp với khu, chi hội phụ nữ để tuyên truyền, vận động phụ huynh đưa trẻ ra lớp **[H17-4.1-06]; [H17-4.1-07]; [H2-1.2-04].**

2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ trẻ trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp thường xuyên với nhà trường để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; cải tạo môi trường hoạt động; tuyên truyền chủ trương, chính sách liên quan đến trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số ít Ban đại diện cha mẹ trẻ ở lớp điều hành các cuộc họp còn hạn chế trong việc triển khai, tuyên truyền, tổ chức các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức các hoạt động phối hợp giữa cha mẹ trẻ và nhà trường	Hiệu trưởng; trưởng Ban đại diện cha mẹ trẻ	- Nhà trường tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi về các nhiệm vụ chung cần triển khai thực hiện trong năm học; nắm bắt tâm tư nguyện vọng của cha mẹ trẻ. - Tăng cường phối hợp giữa cha mẹ trẻ với nhà trường trong tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cải tạo môi trường; tuyên truyền về GDMN.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ
Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với các tổ chức chính trị trên địa bàn phường (Hội liên hiệp phụ nữ; ban tuyên truyền vận động của các khu)	Ban đại diện cha mẹ trẻ	- Hướng dẫn Ban đại diện cha mẹ trẻ thường xuyên giữ mối liên hệ với trưởng khu, Ban tuyên truyền vận động của khu để nắm bắt tình hình phụ huynh của từng điểm trường; các ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường. - Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt các	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

		nhiệm vụ tuyên truyền về chủ trương, chính sách liên quan đến GDMN.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng chính quyền địa phương về công tác GDMN trên địa bàn phường: Chỉ tiêu huy động trẻ mầm non ra lớp; chỉ đạo các bộ phận liên quan tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động học sinh ra lớp; thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; Hiệu trưởng nhà trường tham gia ý kiến kiến nghị, đề xuất những khó khăn trong triển khai nhiệm vụ, đề xuất chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể liên quan thực hiện tốt công tác tuyên truyền về GDMN trên địa bàn phường, các chế độ chính sách cho trẻ em **[H18-4.2-01]**.

b) Nhà trường luôn xác định công tác tuyên truyền là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, nhà trường tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: tuyên truyền bằng văn bản, tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ; tuyên truyền qua loa phát thanh của phường, khu; qua trao đổi giữa CB, GV, NV và cha mẹ trẻ em **[H18-4.2-02]; [H2-1.2-04]**.

c) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác tiếp nhận tài trợ theo Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT, theo đó nhà trường thành lập các tổ vận động, tiếp nhận tài trợ; năm học 2024-2025 Ban đại diện cha mẹ trẻ hỗ trợ hơn 100 ngày công lao động; phối hợp hiệu quả với tổ chức, đoàn thể, cá nhân ở địa phương chủ yếu là cha mẹ trẻ em nhằm tạo điều kiện cho các hoạt động học tập và vui chơi của trẻ ngày một tốt hơn **[H17-4.1-06]; [H17-4.1-07]**.

Mức 2

a) Nhà trường có các văn bản tham mưu với các cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: thực hiện công tác huy động trẻ trong độ tuổi mầm non ra lớp, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non, ưu tiên tiếp nhận trẻ trên địa bàn, đầu tư, tăng cường CSVC để tổ chức các hoạt động, tuy nhiên trong những năm qua phường chưa dành kinh phí để đầu tư CSVC cho nhà trường **[H1-1.1-01]; [H18-4.2-03]; [H18-4.2-01]**.

b) Hằng năm, nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương: Ngày hội đến trường của bé, Tết trung thu, tết thiếu nhi, tết cổ truyền... **[H18-4.2-04]; [1.1-07]; [H2-1.2-04]**.

Mức 3

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền phường Trung Vương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân tăng cường tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ bằng nội dung và hình thức phù hợp với tình hình chính trị, văn hóa, xã hội, điều kiện thực tế của địa phương, phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục và xây dựng môi trường văn hóa trường học, tham mưu kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc nhằm xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Trong những năm qua nhà trường đã thường xuyên tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động như ; *Đẩy mạnh ‘Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh’*, cuộc vận động *‘Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo’*, phong trào thi đua *‘Gia đình văn hóa’*, *‘Trường học xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện’* [H18-4.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động và làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, phát triển nhà trường. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức phong phú, đạt hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ luôn phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân tổ chức các hoạt động giáo dục, lễ hội, sự kiện theo kế hoạch phù hợp với truyền thống của địa phương.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu với chính quyền địa phương về hỗ trợ kinh phí, tăng cường CSVC cho nhà trường chưa hiệu quả. Nguồn lực huy động hỗ trợ từ các tổ chức đoàn thể, cá nhân chưa nhiều do đặc thù nhân dân địa phương thuộc vùng nông thôn, mức thu nhập còn chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương về công	Hiệu trưởng	- Tham mưu thường xuyên với cấp ủy, chính quyền địa phương về mục tiêu, phương	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp	0đ

tác GDMN trên địa bàn		hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. - Tham mưu với chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí để cải tạo môi trường, trang sắm đồ dùng, đồ chơi	theo	
Nhà trường phối hợp với các tổ chức chính trị, các ngành trên địa bàn phường	Hiệu trưởng	Xây dựng kế hoạch phối hợp với các ngành, các tổ chức chính trị tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cải tạo môi trường, tổ chức các ngày hội, ngày lễ tại trường.	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ
- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền công tác xã hội hóa giáo dục bằng nhiều hình thức trên nhiều đối tượng.	Ban giám hiệu. Giáo viên	Tổ chức hội nghị; văn bản tuyên truyền	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận tiêu chuẩn 4

Điểm mạnh cơ bản:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương, phối hợp thường xuyên với các tổ chức chính trị xã hội, các ngành thực hiện kế hoạch, mục tiêu GDMN trên địa bàn phường; tổ chức các hoạt động ngày hội, ngày lễ phù hợp với văn hóa địa phương; huy động và sử dụng các nguồn lực theo đúng quy định; xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương.

Ban đại diện cha mẹ trẻ trường được thành lập và hoạt động theo quy định tại Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT; ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp thường xuyên với nhà trường để thực hiện các nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; cải tạo môi trường hoạt động; tuyên truyền chủ trương, chính sách liên quan đến trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản:

Công tác tham mưu với chính quyền địa phương về hỗ trợ kinh phí, tăng cường CSVC cho nhà trường chưa hiệu quả.

Nguồn lực huy động hỗ trợ từ các tổ chức đoàn thể, cá nhân chưa nhiều do đặc thù nhân dân địa phương thuộc vùng nông thôn, mức thu nhập còn chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu:

Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 2/2 tỷ lệ 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 2/2 đạt 100%.

Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 2/2 đạt 100%.

TIÊU CHUẨN 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu

Hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ là một trong số những nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của nhà trường; mục tiêu của Chương trình GDMN là giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ nhằm hình thành nhân cách sống cho trẻ. Các nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ được giáo viên lựa chọn thiết kế, tích hợp theo chủ đề phù hợp với Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; xây dựng môi trường và tổ chức các hoạt động cho trẻ theo tiêu chí thực hành lấy trẻ làm trung tâm; ứng dụng các phương pháp dạy học Stem/Steam, trải nghiệm và công nghệ số trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của nhà trường.

Tiêu chí: 5.1: Thực hiện Chương trình GDMN

Mức 1:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN theo kế hoạch;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường;*
- c) Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) Tổ chức thực hiện Chương trình GDMN đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và trường mầm non;*
- b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, trường mầm non và khả năng, nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

a) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương;

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Căn cứ vào văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ GD&ĐT về Thông tư ban hành chương trình GDMN, căn cứ vào hướng dẫn của Phòng Giáo dục và Đào tạo Ưông Bí, Trường Mầm non Trung Vương đã thành lập tổ xây dựng và phát triển chương trình giáo dục của nhà trường; Nhà trường đã thực hiện rà soát các điều kiện thiết yếu, đánh giá thực trạng giáo dục của nhà trường và địa phương; căn cứ kết quả giáo dục năm học 2024-2025 và năng lực của người dạy, người học nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch giáo dục độ tuổi hằng năm, người học. Tổ chức triển khai, tập huấn, hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch năm học của nhóm, lớp, kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần ngày và tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ, phát huy năng lực phẩm chất của người học, chỉ đạo các độ tuổi thực hiện theo kế hoạch đề ra [H7-1.7-04]; [H19-5.1-01]; [1.4-07]; [1.8-01].

b) Trường Mầm non Trung Vương thành lập tổ xây dựng và phát triển chương trình giáo dục của nhà trường. Nhà trường phát triển chương trình GDMN ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường như: Đối với các nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi nhà trường chú trọng phát triển các mục tiêu, nội dung đảm bảo phù hợp với nhận thức của trẻ, bổ sung một số những mục tiêu nội dung về danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội văn hóa tại địa phương. Nhà trường chỉ đạo giáo viên phát triển Chương trình giáo dục của các nhóm, lớp theo nhận thức của trẻ tại lớp, điều kiện, nguồn lực có sẵn tại lớp; đa số giáo viên đã quan tâm đến việc phát triển Chương trình, một số giáo viên thực hiện tốt việc phát triển mục tiêu, nội dung giáo dục theo độ tuổi; bên cạnh đó một số giáo viên phát triển chương trình chưa có sự linh hoạt, một số lớp chủ yếu phát triển nội dung giáo dục [H19-5.1-02]; [H2-1.2-04].

c) Giáo viên thực hiện đánh giá trẻ hằng ngày, cuối chủ đề để điều chỉnh kế hoạch giáo dục. Định kỳ hằng tuần, cán bộ quản lý, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục năm học, kế hoạch giáo dục chủ đề, tuần ngày của giáo viên; rút kinh nghiệm và tư vấn hướng dẫn giáo viên điều chỉnh kế hoạch giáo dục kịp thời và phù hợp. Hằng năm, nhà trường tổ chức các hội nghị đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình GDMN[1.4-07]; [1.4-04]; [H19-5.1-03]; [H2-1.2-04].

Mức 2

a) Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình GDMN ở các độ tuổi theo các chủ đề đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương và của nhà trường. Đầu năm học, cán bộ quản lý, giáo viên cốt cán nghiên cứu chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục năm học cho các độ tuổi, đảm bảo thực hiện 100% các mục tiêu, nội dung giáo dục, quan tâm kết quả mong đợi cuối độ tuổi. Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch năm học cho các nhóm, lớp; hằng tháng xây dựng và thực hiện kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần, ngày trong đó chú trọng lựa chọn nhiều các nội dung giúp trẻ đạt các mục tiêu đề ra [H19-5.1-04]; [H2-1.2-04].

b) Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành như chuyển đổi số, văn hóa vùng miền, tiếng anh phù hợp với văn hóa, điều kiện địa phương, đặc điểm lứa tuổi, khả năng và nhu cầu của trẻ để phát triển thành bộ kế hoạch giáo dục đảm bảo tính kế thừa và phát triển nhằm nâng cao tính tư duy, sáng tạo của trẻ, giúp trẻ có các hoạt động thực sự lấy trẻ làm trung tâm. Các mục tiêu lựa chọn phù hợp với đặc điểm của trẻ. Chương trình chú trọng các hoạt động chủ đạo của lứa tuổi; phối hợp các phương pháp hợp lý, tăng cường tính chủ động, tích cực hoạt động của trẻ, đảm bảo tính vừa sức. Khuyến khích động viên trẻ phát huy khả năng, bộc lộ năng khiếu, tạo cơ hội cho trẻ tương tác với nhau, giáo dục tinh thần đoàn kết, nhân ái. Bên cạnh đó chương trình quan tâm xây dựng các hoạt động giáo dục cho trẻ tính tự lập học tập, có kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, giáo dục lòng nhân ái phù hợp với yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc [5.1-05]; [5.1-06]. [5.1-05]; [1.4-07]; [1.8-02].

Mức 3

a) Nhà trường ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/Steam, Montessori trong thực hiện Chương trình GDMN; chỉ đạo giáo viên lựa chọn các hình thức ứng dụng phương pháp Stem/Steam phù hợp với nhận thức của trẻ ở từng độ tuổi. Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý giáo viên học tập các phương pháp giáo dục tiên tiến Montessori, David Kolb, Steam, stem, phương pháp trải nghiệm. Chỉ đạo

hướng dẫn giáo viên lựa chọn các đồ dùng giáo cụ, trang trí lớp học phù hợp với phương pháp giáo dục tiên tiến đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn, mang lại hiệu quả tốt trong tổ chức các hoạt động giáo dục **[H19-5.1-07]**.

b) Nhà trường thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh kế hoạch kịp thời, đảm bảo thực hiện các mục tiêu giáo dục trong năm học. Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị tổng kết năm học trong đó có nội dung đánh giá việc thực hiện chương trình GDMN của nhà trường trong năm học từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ **[1.8-02]; [H2-1.2-04]; [1.4-04]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình GDMN phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường với quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; quan tâm đến năng lực cá nhân của từng trẻ đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại và truyền thống văn hóa của dân tộc; ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/Steam, Montessori trong thực hiện Chương trình GDMN hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Định kỳ hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên phát triển chương trình chưa có sự linh hoạt, chủ yếu phát triển nội dung giáo dục. Một số giáo viên chưa mạnh dạn ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện linh hoạt, hiệu quả chương trình GDMN	CB, GV, NV	Chương trình, kế hoạch giáo dục	Năm học 2025-2026	
Thực hiện phát triển Chương trình GDMN phù hợp với nhà trường, địa phương	02 phó hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện	- Nhà trường tổ chức các lớp tập huấn, chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức các buổi sinh hoạt hướng dẫn giáo viên phát triển Chương trình GDMN	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	10.000.000 đ/ năm từ nguồn chi thường xuyên của nhà trường

		phù hợp. - Tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình GDMN. - Ứng dụng phương pháp dạy học tiến tiến trong thực hiện Chương trình GDMN. - Tổ chức các hoạt động mẫu và chuẩn bị tốt các điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN		
Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về việc ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến vào trong giảng dạy.	Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn	- Tổ chuyên môn phân công lịch dạy thao giảng cho từng thành viên. - Tổ chức dự giờ, bồi dưỡng tại chỗ. - Bồi dưỡng đội ngũ giáo viên về việc ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến vào trong giảng dạy		

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp GDMN, phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế."

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường chỉ đạo giáo viên áp dụng, phối hợp các phương pháp dạy học phù hợp với từng hoạt động giáo dục, với từng đối tượng trẻ như phương pháp quan sát, đàm thoại, giảng giải, thực hành, trải nghiệm; áp dụng các tiêu chí thực hành lấy trẻ làm trung tâm trong tổ chức hoạt động giáo dục trẻ; ứng dụng phương pháp Stem/Steam, trải nghiệm trong tổ chức các hoạt động giáo dục theo Chương trình GDMN...các phương pháp được sử dụng đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [1.4-07]; [1.8-01].

b) Nhà trường xây dựng môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ vui chơi, trải nghiệm: đối với môi trường hoạt động trong lớp nhà trường chỉ đạo các lớp mẫu giáo xây dựng môi trường hoạt động trong lớp theo các góc chơi, mỗi lớp bố trí từ 4-5 góc, trong đó có những góc linh hoạt được bổ sung thay đổi hằng tuần, các khu vực chơi của trẻ được ngăn cách bằng các tủ/ giá đựng đồ chơi, sắp xếp đồ chơi, nguyên liệu tại góc chơi phong phú, đa dạng giúp trẻ được trải nghiệm, khám phá; quan tâm các khu vực để trẻ trưng bày các sản phẩm của trẻ; tại các lớp mẫu giáo nhà trường chỉ đạo giáo viên quan tâm và tăng cường đối với các góc chơi phân vai, góc xây dựng, góc học tập; đối với nhóm trẻ các khu vực chơi được bố trí linh hoạt, phù hợp với trẻ nhà trẻ, quan tâm khu vực chơi thao tác vai, khu vực phát triển vận động và khu vực hoạt động với đồ vật. Môi trường hoạt động ngoài trời, được thiết kế phù hợp với đặc điểm của trường: khu vui chơi sáng tạo, thư viện của bé, khu phát triển vận động với đồ chơi ngoài trời, khu vui chơi vận động, trải nghiệm, khu trồng rau, trồng hoa với các hình thức sáng tạo [H2-1.2-04]

c) Nhà trường chỉ đạo giáo viên lựa chọn các hình thức tổ chức đa dạng, phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường, phù hợp với từng hoạt động như: Hình thức theo nhóm nhỏ, nhóm lớn, cá nhân; trong môi trường hoạt động giáo dục, giáo viên đều phối hợp nhiều hình thức tổ chức hoạt động, lựa chọn nhiều trò chơi đa dạng, phong phú theo phương châm “Chơi mà

học, học bằng chơi”; tổ chức các thăm quan, dạo chơi ngoài trời, thăm các khu vực xung quanh trường, tổ chức ngày hội, ngày lễ (ngày khai giảng, tết trung thu, tết thiếu nhi)... giúp trẻ hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động giáo dục [H18-4.2-04]; [1.1-07]; [H2-1.2-04].

Mức 2

Nhà trường tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục, phương pháp GDMN, phù hợp với sự phát triển, nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp; Tăng cường tổ chức các hoạt động theo hướng trải nghiệm, khám phá, thông qua các ngày hội ngày lễ, trong các hoạt động góc, hoạt động ngoài trời trẻ được thực hành, trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh, với các chủ đề đa dạng các hoạt động đều phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường [1.4-07]; [1.8-01]; [5.1-05]; [5.2-01]; [5.2-02].

Mức 3

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục an toàn, có sự bố trí khu vực chơi và học trong lớp và ngoài lớp phù hợp, thuận tiện với sự phát triển thể chất của trẻ, thỏa mãn nhu cầu nhận thức, mở rộng hiểu biết, kích thích trẻ hoạt động tích cực, sáng tạo. Trong lớp học các giáo viên xây dựng một môi trường với những màu sắc sinh động và ngộ nghĩnh. Môi trường có không gian, cách sắp xếp phù hợp, gần gũi, quen thuộc với cuộc sống thực hàng ngày của trẻ: Bố trí các góc hoạt động hợp lí, các góc hoạt động có ranh giới rõ ràng, có lối đi cho trẻ di chuyển thuận tiện khi liên kết giữa các góc chơi. Sắp xếp các góc để giáo viên có thể dễ dàng quan sát, giám sát được toàn bộ hoạt động của trẻ. Các đồ dùng và học liệu hỗ trợ giáo viên thực hiện kế hoạch giáo dục thu hút trẻ tham gia, cũng như tạo ra các cơ hội học tập khác. Xây dựng môi trường ngoài lớp học phù hợp, an toàn, sạch đẹp, hấp dẫn tạo cơ hội cho trẻ hoạt động, đáp ứng nhu cầu chơi của trẻ. Đồ chơi, học liệu, trang thiết bị ở ngoài lớp học đảm bảo an toàn, vệ sinh: không có đồ sắc nhọn, không độc hại, được vệ sinh sạch sẽ, được bảo dưỡng định kì, sửa chữa kịp thời, tạo hình ảnh và ấn tượng riêng của trường. Nhà trường xây dựng tốt môi trường giáo dục có phương tiện, điều kiện để trẻ phát triển toàn diện về thể chất, ngôn ngữ, trí tuệ, khả năng thẩm mỹ, tình cảm và kỹ năng xã hội, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [1.4-07]; [1.8-01]; [5.2-01]; [5.2-02].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà

trường. Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm.

Giáo viên tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế của trường, lớp.

100% các điểm trường, nhóm, lớp tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

3. Điểm yếu:

Một số giáo viên tổ chức hoạt động còn chưa sáng tạo, chưa linh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm “Giáo dục lấy trẻ làm trung tâm”	Phó hiệu trưởng chỉ đạo	- Bồi dưỡng, hướng dẫn giáo viên áp dụng các tiêu chí thực hành lấy trẻ làm trung tâm trong tổ chức hoạt động giáo dục trẻ. - Chỉ đạo giáo viên tăng cường các hoạt động trải nghiệm, thực hành. - Thực hiện tốt công tác kiểm tra, tư vấn, bồi dưỡng theo điểm trường.	Năm học 2025 - 2026 và các năm tiếp theo	5.000.000đ / năm từ nguồn chi kinh phí chi thường xuyên của nhà trường
Tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ	CB, GV, NV	Kế hoạch tổ chức hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	
Đầu tư xây dựng tổ chức môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn	CB, GV, NV	- Áp dụng các tiêu chí thực hành xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm. - Tổ chức có hiệu quả	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	30.000.000 đ/ năm từ nguồn ngân sách chi thường

thân thiện		Hội thi “Xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp- an toàn”. - Phối hợp với phụ huynh xây dựng môi trường giáo dục cho trẻ: Tham gia các ngày công, hỗ trợ các nguyên liệu từ địa phương		xuân của nhà trường và nguồn xã hội hóa
------------	--	---	--	---

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a, Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Định kỳ đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Trạm y tế phường Trưng Vương để thực hiện nhiệm vụ y tế của nhà trường theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT, bao gồm: Thực hiện kiểm tra sức khỏe vào đầu năm học để đánh giá tình trạng dinh dưỡng và sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi; đo chiều cao, cân nặng, huyết áp,

nhịp tim, thị lực đối với học sinh từ 36 tháng tuổi trở lên; định kỳ theo dõi sức khỏe học sinh, phát hiện giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác để xử trí, chuyển đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định và áp dụng chế độ học tập, rèn luyện phù hợp với tình trạng sức khỏe; sơ cứu, cấp cứu theo quy định hiện hành của Bộ Y tế khi nhà trường có yêu cầu; tư vấn cho giáo viên, cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh; hướng dẫn cho học sinh biết tự chăm sóc sức khỏe; hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đối tượng và lứa tuổi **[1.10-08]; [H24-5.3-01]**.

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm; đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định, cụ thể:

*Bảng tổng hợp tình trạng dinh dưỡng của trẻ (05 năm)
Thời điểm cuối năm học*

T T	Năm học	TS học sinh	Khám sức khỏe		Trẻ phát triển bình thường		Trẻ SDD nhẹ cân		Trẻ SDD thấp còi	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2020-2021	270	270	100	266	98.5	1	0.4	2	0.7
2	2021-2022	249	249	100	241	96.8	4	1.6	6	2.4
3	2022-2023	233	233	100	230	98.8	1	0.4	9	3.9
4	2023-2024	232	232	100	229	98.7	3	1.2	3	1.2
5	2024-2025	253	253	100	249	98.7	0	0	3	1.1

[1.10-08]. [H21-5.3-02].

c) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng và thừa cân, béo phì. Nhà trường có 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp: Xây dựng thực đơn hợp lý, cân đối, đa dạng món ăn, công khai thực đơn để cha mẹ trẻ xây dựng thực đơn cho trẻ ở nhà cân đối với thực đơn của nhà trường để trẻ được ăn đa dạng thực phẩm/ngày; theo dõi và đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ; tuyên truyền, hướng dẫn, phối hợp cùng với cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng tại nhà.

Bảng tổng hợp tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giữa các kỳ

Năm học	Đầu năm				Giữa năm				Cuối năm			
	SDD nhẹ cân		SDD thấp còi		SDD nhẹ cân		SDD thấp còi		SDD nhẹ cân		SDD thấp còi	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%

2020-2021	6	2.5	2	0.8	3	1.21	2	0.8	1	0.4	2	0.7
2021-2022	6	2.7	3	1.4	2	1.16	2	1.16	4	1.6	6	2.4
2022-2023	2	0.9	4	1.9	1	0.46	3	1.38	1	0.4	9	3.9
2023-2024	10	4.7	9	4.2	3	1.33	8	3.55	3	1.2	3	1.2
2024-2025	7	3.3	5	2.4	6	2.76	4	1.84	0	0	3	1.1

[H21-5.3-03].

Mức 2

a) Vào đầu năm học nhà trường đã tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ, nội dung tuyên truyền về chế độ ăn của trẻ, thực đơn, phòng chống dịch bệnh theo mùa...bằng nhiều hình thức khác nhau: Tổ chức các buổi họp cha mẹ học sinh, tuyên truyền tư vấn thông qua zalo nhóm lớp, bảng thông báo tại lớp và tại nhà trường, giáo viên trao đổi thường xuyên với gia đình hằng ngày trong các giờ đón, trả trẻ kết hợp với họp triển khai công tác năm học. Nhà trường phối hợp với Trạm y tế phường Trung Vương, Hội phụ nữ phường tuyên truyền với cha mẹ trẻ về các nội dung chăm sóc sức khỏe, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ, phối hợp công tác đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ **[H17-4.1-04]; [H2-1.2-04].**

b) Nhà trường tổ chức cho trẻ ăn bán trú theo quy định của chương trình GDMN. Nhà trường sử dụng phần mềm công ty Viettec, theo địa chỉ truy cập: <http://qlmn.edu.vn> để tính khẩu phần ăn cho trẻ; Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa đối với từng độ tuổi, phù hợp với đặc điểm của trẻ, nguồn thực phẩm sẵn có ở địa phương. Đa dạng thực phẩm, phối hợp món ăn hợp lý, đảm bảo yêu cầu: phải có từ 7 loại thực phẩm trở lên. Đảm bảo nhu cầu khuyến nghị năng lượng đạt: Nhà trẻ (60-70% nhu cầu cả ngày); Mẫu giáo (50-55% nhu cầu cả ngày); Số lượng bữa ăn cho trẻ: Nhà trẻ (hai bữa chính, một bữa phụ); Mẫu giáo (một bữa chính, một bữa phụ); Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Nhà trẻ (bữa trưa đạt từ 30-35% năng lượng cả ngày; bữa chiều đạt từ 25-30% năng lượng cả ngày; bữa phụ đạt từ 5-10% năng lượng cả ngày). Mẫu giáo (bữa trưa đạt từ 30-35% năng lượng cả ngày; bữa phụ đạt từ 15-25% năng lượng cả ngày); Tỷ lệ các chất dinh dưỡng duy trì ở mức: Nhà trẻ (P: 13-20%, L: 30-40%; G: 47-50%); Mẫu giáo (P: 13-20%; L: 25-35%; G: 52-60%); cung cấp đầy đủ nước uống đạt 1,6-2 lít/ ngày; nhà trường luôn quan tâm sử dụng các thực phẩm có sẵn tại địa phương, thực phẩm theo mùa; thực hiện hợp đồng cung ứng thực phẩm với Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp chất lượng cao Quang Lý và Công ty cổ phần phân phối và logistics Hùng Cường [H17-3.4-03].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch và có các biện pháp cải thiện suy dinh dưỡng cho 100% trẻ suy dinh dưỡng tại trường, cụ thể: Quan tâm thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng, động viên, khích lệ trẻ ăn hết suất, ăn nhiều thức ăn khác nhau; phối hợp với phụ huynh bổ sung các thực phẩm dinh dưỡng hằng ngày cho trẻ; tăng cường các hoạt động phát triển vận động cho trẻ; hướng dẫn cha mẹ trẻ thực hiện chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ tại gia đình. Hằng năm,, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cuối năm được cải thiện so với đầu năm học, giảm từ 1-2% **[1.10-08]**.

Mức 3

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, thực hiện có hiệu quả các biện pháp chăm sóc sức khỏe, xây dựng chế độ dinh dưỡng, thực hiện nghiêm túc chế độ sinh hoạt cho học sinh. Kết quả cuối năm học có 98.1% trẻ trở lên có cân nặng, chiều cao phát triển bình thường **[H21-5.3-02]; [1.10-08]**.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng quan tâm công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Phối hợp chặt chẽ với y tế phường Trung Vương tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ theo quy định tại Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 98% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi; 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng những giải pháp phù hợp, góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của trẻ so với đầu năm học.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm chưa cao so với kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ, đảm bảo phù hợp và	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng; nhân	- Nhà trường tiếp tục điều chỉnh khẩu phần dinh dưỡng dành cho trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, tăng cường vận động cho trẻ. Tuyên truyền đến cha mẹ trẻ chế độ dinh dưỡng ở gia đình hợp lý để giảm tỷ lệ trẻ thấp còi . - Phối hợp chặt chẽ với Trạm y tế phường để chăm sóc sức khỏe,	- Từ năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	0đ

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
đúng theo quy định, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì	viên y tế.	phòng chống dịch bệnh cho trẻ. - Kiểm tra sức khỏe của trẻ theo quy định và có biện pháp điều chỉnh dinh dưỡng cho trẻ giúp trẻ phát triển cân đối, hài hòa, có sức khỏe tốt. - Thường xuyên kiểm tra các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe của trẻ, điều chỉnh kịp thời những bất cập, tồn tại, hạn chế nếu có.		

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí: 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập được theo dõi thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân. Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường chỉ đạo giáo viên thực hiện tốt công tác tuyên truyền với phụ huynh để phụ huynh đưa trẻ ra lớp chuyên cần hàng tháng, tỷ lệ chuyên cần từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025 đạt được cụ thể như sau:

Độ tuổi	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
Trẻ 5T	98.5	94.7	99.4	99.7	99.4
Dưới 5T	91	77.5	91	91	91.3

[1.5-01]; [1.5-04]; [H19-5.1-04].

b) Trong 5 năm qua nhà trường tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương, các trường học trên địa bàn phường và nguồn lực của nhà trường để triển khai và nâng cao các tiêu chuẩn, tiêu chí thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN luôn đạt từ 99 đến 100%, cụ thể:

Năm học	Trẻ 5 tuổi	Hoàn thành chương trình GDMN	Tỷ lệ %
2020-2021	213	213	100
2021-2022	160	160	100
2022-2023	144	142	99
2023-2024	151	150	99.3
2024-2025	182	182	100

[5.4-01];

c) Từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025, nhà trường không có trẻ khuyết tật học tại trường. Đầu mỗi năm học, nhà trường rà soát trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đang học tập tại trường; giáo viên thường xuyên quan tâm đến trẻ có hoàn cảnh khó khăn trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp; rà soát thực hiện đầy đủ chính sách cho trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo (học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa **[1.5-01]; [1.4-08]; [H2-1.2-04]**).

Mức 2

a) Trong 5 năm, từ năm học 2020-2021 đến 2024-2025, năm 2021-2022 do dịch Covid 19 nên tỷ lệ chuyên cần cho trẻ dưới 5 tuổi dưới 90%, các năm

khác luôn đạt từ 90% trở lên, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi luôn đạt từ 95% trở lên [1.5-01]; [1.5-04]; [H19-5.1-04].

b) Từ năm học 2020-2021 đến hết năm học 2023-2024, có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN [5.4-01].

c) Từ năm học 2020-2021 đến nay nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường [1.5-01]; [1.5-04].

Mức 3

a) Trong 5 năm qua, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN đạt 100% trẻ hoàn thành Chương trình GDMN [5.4-01].

b) Trong 5 năm qua, nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập tại trường [1.5-01]; [1.5-04].

2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi luôn đạt từ 91% đến 95.8%, tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi luôn đạt từ 94,7% đến 98,5%; tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình GDMN luôn đạt 100%.

3. Điểm yếu:

Tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ nhà trẻ đạt tỷ lệ thấp ở các tháng thời tiết rét đậm, rét hại và sau tết Nguyên đán.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao tỷ lệ chuyên cần đối với trẻ nhà trẻ	Phó hiệu trưởng, giáo viên	- Tuyên truyền phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của GDMN để cha mẹ trẻ đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, không cho trẻ nghỉ tự do, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần. - Tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ tại nhà để trẻ có sức khỏe tốt giảm tỷ lệ trẻ nghỉ, ốm trong các thời điểm thời tiết lạnh, giao mùa. - Chỉ đạo giáo viên nâng cao chất lượng chăm sóc,	Từ năm học 2024-2025 và các năm học tiếp theo	0đ

		nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. - Quan tâm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.		
--	--	---	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về tiêu chuẩn 5:

- Điểm mạnh cơ bản:

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu của Chương trình GDMN, phù hợp điều kiện của địa phương và nhà trường; ứng dụng phương pháp giáo dục Steam, Montessori trong thực hiện Chương trình GDMN hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Tổ chức môi trường giáo dục, môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo hướng mở, an toàn; tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm; Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục theo từng mục tiêu, nội dung, độ tuổi của trẻ; chú trọng các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá. theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm, được cân đo và theo dõi trẻ trên biểu đồ tăng trưởng; Hằng năm, có từ 98% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường theo lứa tuổi. Tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi luôn đạt từ 91% (trừ năm Covid 19), tỷ lệ chuyên cần trẻ của trẻ 5 tuổi luôn đạt từ 94,7% đến 99,7%; tỷ lệ trẻ hoàn thành Chương trình GDMN luôn đạt 100%.

- Điểm yếu cơ bản:

Một số giáo viên phát triển chương trình chưa có sự linh hoạt, một số lớp chủ yếu phát triển nội dung giáo dục, chưa phát triển được nhiều mục tiêu giáo dục. Một số giáo viên chưa mạnh dạn ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động, tổ chức hoạt động còn chưa sáng tạo, chưa linh hoạt.

Số tiêu chí đạt mức 1: 4/4 đạt 100%

Số tiêu chí đạt mức 2: 4/4 đạt 100%

Số tiêu chí đạt mức 3: 4/4 đạt 100%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ CÁC NỘI DUNG THUỘC MỨC 4

TIÊU CHÍ 1

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN của Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở tham khảo, áp dụng hiệu quả mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; chương trình giáo dục thúc đẩy

được sự phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương.

1. Mô tả hiện trạng.

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN trên cơ sở áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục Stem/Steam, Montessori; chương trình giáo dục của nhà trường phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương, tuy nhiên Dự án Steam, Montessori mới chỉ áp dụng thực hiện ở một vài hoạt động ở một vài nhóm lớp, nhà trường chưa có câu lạc bộ Steam [1.4-07]; [1.8-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện phát triển Chương trình GDMN phù hợp với văn hóa địa phương, thực hiện các mục tiêu, nội dung giáo dục tại các nhóm, lớp; ứng dụng phương pháp giáo dục Stem/Steam trong thực hiện Chương trình GDMN hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của nhà trường, địa phương. Định kỳ Hằng năm, nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.

3. Điểm yếu:

Dự án Steam, Montessori mới chỉ áp dụng thực hiện ở một vài lớp, nhà trường chưa có câu lạc bộ Steam.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thực hiện mô hình, phương pháp giáo dục Stem/Steam, Montessori	02 đồng chí phó hiệu trưởng, giáo viên	- Tiếp tục triển khai mô hình Steam, Montessori tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. - Xây dựng khu vực hoạt động Steam tại điểm trường chính. - Thành lập câu lạc bộ Steam - Tập huấn, hướng dẫn giáo viên thực hiện các hoạt động Stem, bài học Steam (bài học 5E; EDP); dự án Steam	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	20.000.000đ/năm, kinh phí từ nguồn ngân sách

5. Tự đánh giá tiêu chí 1: Không đạt.

TIÊU CHÍ 2:

Ít nhất 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá, trong đó ít nhất 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 80% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt. Chất lượng đội ngũ giáo viên đáp ứng được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Căn cứ Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, Hiệu trưởng đánh giá xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non, hằng năm, có 100% giáo viên đều được đánh giá xếp loại đạt trở lên.

Biểu tổng hợp đánh giá xếp loại Chuẩn nghề nghiệp giáo viên (5 năm)

STT	Năm học	Tổng số GV	Xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non							
			Tốt		Khá		Đạt		Chưa đạt	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	2019-2020	19	14	77.8	4	22.8				
2	2020-2021	19	9	47.2	10	52.7				
3	2021-2022	19	11	61.1	7	38.2				
4	2022-2023	17	7	47.2	10	58.8				
5	2023-2024	17	13	76.5	4	23.5				

[H12-2.2-02];[1.7-02].

2. Điểm mạnh.

Nhà trường có từ 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên; mức tốt đạt từ 47.2 đến 77.8%.

3. Điểm yếu.

Một số giáo viên còn hạn chế về từng mặt của năng lực theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp	Phó hiệu trưởng	- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ, xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng giáo viên trong nhà trường để xác định nội	Năm học 2025 - 2026 và các năm học tiếp theo	20.000.000 đ/ năm từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của

		dung bồi dưỡng phù hợp. - Đăng kí bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp. - Khuyến khích giáo viên tự bồi dưỡng qua nghiên cứu tài liệu, học hỏi đồng nghiệp.		nhà trường
--	--	---	--	------------

5. Tự đánh giá tiêu chí 2: Đạt.

TIÊU CHÍ 3.

Sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích đạt chuẩn hoặc trên chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn Việt Nam về yêu cầu thiết kế trường mầm non; có các góc chơi, khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

1. Mô tả hiện trạng

Diện tích sân vườn và khu vực cho trẻ chơi có diện tích 1.335m² chiếm 56.6% diện tích toàn trường đạt chuẩn theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H14-3.1-06].

Sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp, xung quanh khu vui chơi được nhà trường trồng cây xanh được phân tầng cao thấp, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp tạo bóng mát sân trường, tạo cơ hội cho trẻ khám phá học tập. Sân vườn luôn sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho trẻ. Môi trường lớp học phong phú, đa dạng, với các góc chơi mở, đồ chơi phong phú đa dạng, với nguồn nguyên liệu mở phong phú, đa dạng. Sắp xếp, quy hoạch các khu vực hoạt động ngoài trời; Nhà trường bố trí khu vui chơi trải nghiệm để trẻ vui chơi, phát triển vận động; góc sách truyện, góc cộng đồng, khu vực trồng cây, trồng rau, trồng hoa [H14-3.1-06].

2. Điểm mạnh:

Sân vườn nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định, nhà trường bố trí khu vực trồng rau, trồng hoa, cây xanh, sân chơi hợp lý; trong lớp có các góc chơi phù hợp với độ tuổi của trẻ; khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá được trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

3. Điểm yếu: Đồ chơi ngoài trời đã cũ, chưa đa dạng, số lượng còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bổ sung đồ chơi ngoài trời	Hiệu trưởng	- Rà soát, đánh giá thực trạng đồ dùng, đồ chơi ngoài trời, xây dựng kế hoạch sửa chữa, thanh lý. - Tham mưu với cấp trên trang cấp bổ sung đồ chơi ngoài trời.	Giai đoạn 2025-2026 và các năm tiếp theo	100 triệu đồng

Tự đánh giá Tiêu chí 3: Không đạt

TIÊU CHÍ 4

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố. Có phòng tư vấn tâm lý. Có đầy đủ các trang thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Có khu vực dành riêng để phát triển vận động cho trẻ, trong đó tổ chức được 02 (hai) môn thể thao phù hợp với trẻ lứa tuổi mầm non.

1. Mô tả hiện trạng.

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, 10/10 nhóm, lớp có các trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015; có 07/ 10 nhóm, lớp được trang bị bộ thiết bị đồ dùng, đồ chơi thông minh cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới phương pháp giáo dục. sân chơi có khu vực riêng để phát triển vận động cho trẻ. Nhà trường chưa có phòng tư vấn tâm lý cho trẻ [H14-3.1-06]; [1.4-08].

1. Điểm mạnh

100% các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố với các thiết bị hiện đại phục vụ hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Khu vực dành riêng để phát triển vận động đảm bảo an toàn khi trẻ hoạt động.

3. Điểm yếu

Trường chưa bố trí phòng tư vấn tâm lý.

Sân chơi chưa tổ chức được 2 môn thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Bố trí 01 phòng tư vấn tâm lý	Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC	- Tham mưu với phòng GDDT	Giai đoạn 2025-2030	100 triệu đồng
Cải tạo sân chơi các điểm trường	Hiệu trưởng	Cải tạo, bố trí sân chơi ưu tiên tạo sân chơi được các môn thể thao	Giai đoạn 2025-2030	100 triệu đồng

Tự đánh giá tiêu chí 4: Không đạt

TIÊU CHÍ 5

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Phương hướng, chiến lược xây dựng phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 đã đề ra các mục tiêu. Căn cứ vào nguồn lực của nhà trường, nhà trường đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, giúp đạt một số mục tiêu mà phương hướng đã đề ra: Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt hơn 60%, huy động 94% trẻ mẫu giáo ra lớp; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo các chỉ tiêu đề ra; trường Trung Vương hằng năm được công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi; bên cạnh những kết quả đạt được, nhà trường còn một số mục tiêu về kết quả xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp[H2-1.2-04];[H8-1.8-03].

2. Điểm mạnh.

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành khoảng 90% các mục tiêu phương hướng, chiến lược đã đề ra.

3. Điểm yếu.

Công tác xã hội hóa giáo dục còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tạo niềm tin cho các bậc phụ huynh yên tâm đưa trẻ	CBGV	Bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ; tăng cường thiết bị đồ dùng, đồ chơi...	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	

đến trường.				
- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền công tác xã hội hóa giáo dục bằng nhiều hình thức trên nhiều đối tượng.	Ban giám hiệu. Giáo viên	Tổ chức hội nghị	Năm học 2025-2026 và các năm học tiếp theo	

Tự đánh giá tiêu chí 5: Không đạt

TIÊU CHÍ 6:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 02 năm đạt kết quả giáo dục và các hoạt động khác vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp có thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2020-2021 đến nay, nhà trường luôn hoàn thành các chỉ tiêu về chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; công tác xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp đạt hiệu quả cao; từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ, tỷ lệ giáo viên giỏi cấp thành phố đạt trên 40% trở lênvới những kết quả đã đạt được, từ năm học 2020-2021 đến nay trường luôn đạt tập thể lao động Xuất sắc, tiên tiến; được Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo tặng Giấy khen; Bộ Giáo dục đào tạo tặng Bằng khen; UBND Tỉnh tặng Cờ thi đua **[H8-1.8-03]**.

2. Điểm mạnh

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học bám sát theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Uông Bí và tình hình thực tế của địa phương, nhà trường triển khai thực hiện đạt hiệu quả. CB, GV, NV đoàn kết thống nhất, nghiêm túc thực hiện các qui chế trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa duy trì được thường xuyên chất lượng giáo dục vượt trội hàng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Giải pháp thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nâng cao chất	CB, GV, NV	- Thực hiện tốt các	Năm học	0đ

lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục		quy định về chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn cho trẻ. - Tập trung bồi dưỡng đội ngũ - Tiếp tục tham mưu cấp trên đầu tư CSVC	2025-2026 và các năm học tiếp theo	
--------------------------------------	--	--	------------------------------------	--

Tự đánh giá tiêu chí 6: Đạt

Kết luận

- Điểm mạnh cơ bản:

Nhà trường phát triển Chương trình GDMN trên cơ sở áp dụng mô hình, phương pháp giáo dục Stem, Steam; chương trình giáo dục của nhà trường phát triển toàn diện của trẻ, phù hợp với độ tuổi và điều kiện của nhà trường, văn hóa địa phương. 05 năm liên tiếp nhà trường có từ 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên;

Sân vườn nhà trường đảm bảo diện tích theo quy định, nhà trường bố trí khu vực trồng rau, trồng hoa, cây xanh, sân chơi hợp lý; trong lớp có các góc chơi phù hợp với độ tuổi của trẻ; khu vực hoạt động trong và ngoài nhóm lớp tạo cơ hội cho trẻ được khám phá được trải nghiệm, giúp trẻ phát triển toàn diện.

- Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa có câu lạc bộ Steam.

Các khu vực chơi ngoài trời chưa phong phú, hiệu quả chưa cao

Trường chưa có phòng tư vấn tâm lý, sân chơi chưa tổ chức được 2 môn thể thao.

Số tiêu chí đạt mức 4: 2/6 đạt 33.3%

Số tiêu chí chưa đạt mức 4: 4/6 đạt 66.7%.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trường Mầm non Trung Vương đã triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non; nhà trường đã chủ động tham mưu với ngành giáo dục, cấp ủy chính quyền địa phương, phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn xã thực hiện tốt các mục tiêu phương hướng, chiến lược giai đoạn 2020-2025; chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ đạt nhiều thành tích vượt trội so với các trường mầm non trên địa bàn Thành phố; công tác cải tạo xây dựng môi trường nhóm, lớp được quan tâm, đầu tư theo hướng chuẩn, đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm; từng bước ứng dụng mô hình phương pháp giáo dục Steam, Montessori trong phát triển Chương trình GDMN; chất lượng đội ngũ được nâng cao lộ trình, đáp ứng được yêu cầu thực hiện đổi mới Giáo dục và Đào tạo... với những nỗ lực, cố gắng không ngừng của của tập thể CB, GV, NV nhà trường, trong 5 năm qua, nhà trường đã đạt được nhiều những thành tích như: 05 năm liên tiếp đạt tập thể lao động tiên tiến, 02 năm đạt tập thể lao động xuất sắc.

Căn cứ Thông tư 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Thông tư 22/2024/TT-BGDĐT ngày 10/12/2024 của Bộ GDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo. Sau quá trình tự đánh giá, tập CB, GV, NV nhà trường đã thấy được điểm mạnh, điểm yếu, tồn tại ở mỗi tiêu chí. Trong thời gian tới, nhà trường xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng đã đề ra để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục.

- Các tiêu chí đạt mức 1: 22/22 = 100%
- Các tiêu chí đạt mức 2: 21/21 = 100%
- Các tiêu chí đạt mức 3: 15/15 = 100%
- Các tiêu chí đạt mức 4: 2/6 = 33.3%
- Các tiêu chí không đạt mức 4: 4/6 = 66.7%
- Mức tự đánh giá của nhà trường: Đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Căn cứ Điều 23 của Thông tư 19/2018/TT-BGD&ĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non; Căn cứ kết quả tự đánh giá của

Trường Mầm non Trung Vương, Nhà trường đề nghị cấp có thẩm quyền kiểm tra, công nhận nhà trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Quảng Ninh (b/c);
- Phường Vàng Danh (b/c);
- Hội đồng TĐG (t/h);
- Lưu: VT.

Vàng Danh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Thuần